

BẢN TÓM LƯỢC 24 DUYÊN CHÍNH TRONG ĐẠI PHÁT THỨ

01	Nhân Duyên		01			Danh Vật Thực Duyên	24
02	Cảnh Duyên		02	16	Quyền Duyên	Câu Sinh Quyền Duyên	25
03	Trưởng Duyên	Cảnh Trưởng Duyên	03			Tiền Sinh Quyền Duyên	26
		Câu Sinh Trưởng Duyên	04			Sắc Mạng Quyền Duyên	27
		Vật Cảnh Tiền Sinh Trưởng	05	17	Thiền Na Duyên		28
				18	Đồ Đạo Duyên		29
04	Vô Giác Duyên		06				
05	Đẳng Vô Giác Duyên		06*	19	Tương Ứng Duyên		30
06	Câu Sinh Duyên		07	20	Bất Tương Ứng Duyên	Câu Sinh Bất Tương Ứng Duyên	31
07	Hỗ Tương Duyên		08			Vật Tiền Sinh Bất Tương Ứng Duyên	32
08	Y Chỉ Duyên	Câu Sinh Y Duyên	09			Vật Cảnh Tiền Sinh Bất Tương Ứng Duyên	33
		Vật Tiền Sinh Y Duyên	10			Hậu Sinh Bất Tương Ứng Duyên	34
		Vật Cảnh Tiền Sinh Y Duyên	11	21	Hiện Hữu Duyên	Câu Sinh Hiện Hữu Duyên	35
						Vật Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên	36
09	Cận Y Duyên	Cảnh Cận Y Duyên	12			Cảnh Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên	37
		Vô Giác Cận Y Duyên	13			Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên	38
		Thường Cận Y Duyên	14			Vật Thực Hiện Hữu Duyên	39
10	Tiền Sinh Duyên	Vật Tiền Sinh Duyên	15			Quyền Hiện Hữu Duyên	40
		Cảnh Tiền Sinh Duyên	16	22	Vô Hữu Duyên		41
11	Hậu Sinh Duyên		17	23	Ly Khứ Duyên		42
12	Trùng Dục Duyên		18	24	Bất Ly Duyên	Câu Sinh Bất Ly Duyên	43
13	Nghiệp Duyên	Câu Sinh Nghiệp Duyên	19			Vật Tiền Sinh Bất Ly Duyên	44
		Dị Thời Nghiệp Duyên	20			Cảnh Tiền Sinh Bất Ly Duyên	45
		Vô Giác Nghiệp Duyên	21			Hậu Sinh Bất Ly Duyên	46
						Vật Thực Bất Ly Duyên	47
14	Dị Thực Quả Duyên		22			Quyền Bất Ly Duyên	48
15	Vật Thực Duyên	Sắc Vật Thực Duyên	23				

BẢN TÓM LƯỢC 27 DUYÊN HỌC TRONG BẢN ĐỒ ĐẠI PHÁT THỨ

01	Nhân Duyên	Hetupaccayo
02	Cảnh Duyên	Ārammanapaccayo
03	Cảnh Trưởng Duyên	Ārammanadhipatipaccayo
04	Câu Sinh Trưởng Duyên	Sahajātadhipatipaccayo
05	Vật Cảnh Tiền Sinh Trưởng Duyên	Vatthārammanapurejātadhipatipaccayo
06	Vô Gián Duyên (Đẳng Vô Gián Duyên)	Anantarapaccayo
07	Câu Sinh Duyên	Sahajātapaccayo
08	Hỗ Tương Duyên	Annamannapaccayo
09	Vật Tiền Sinh Y Duyên	Vatthupurejātānissayapaccayo
10	Vật Cảnh Tiền Sinh Y Duyên	Vatthārammanapurejātānissayapaccayo
11	Thường Cận Y Duyên	Pakatūpanissayapaccayo
12	Cảnh Tiền Sinh Duyên	Ārammanapurejātapaccayo
13	Hậu Sinh Duyên	Pacchājātapaccayo
14	Trùng Dụng Duyên	Āsevanapaccayo
15	Câu Sinh Nghiệp Duyên	Sahajātakammappaccayo
16	Dị Thời Nghiệp Duyên	Nānakammappaccayo
17	Vô Gián Nghiệp Duyên	Anantarakammappaccayo
18	Dị Thực Quả Duyên	Vipākappaccayo
19	Sắc Vật Thực Duyên	Rūpāhārapaccayo
20	Danh Vật Thực Duyên	Nāmāhārapaccayo
21	Câu Sinh Quyền Duyên	Sahajātindriyapaccayo
22	Tiền Sinh Quyền Duyên	Purejātindriyapaccayo
23	Sắc Mạng Quyền Duyên	Rūpindriyapaccayo
24	Thiền Na Duyên	Jhānapaccayo
25	Đồ Đạo Duyên	Maggapaccayo
26	Tương Ứng Duyên	Sampayuttapaccayo
27	Câu Sinh Bất Tương Ứng Duyên	Sahajātavippayuttapaccayo

18. DỊ THỰC QUẢ HIỆP LỰC (Vipāka Paccayo Ghatanā)		VÔ KÝ TRỢ VÔ KÝ	
Năng Duyên	52 Tâm Quả, 38 Tâm Sở		
Sở Duyên	52 Tâm Quả, 38 Tâm Sở, 15 Sắc Tâm, 20 Sắc Nghiệp Tái Tục		
DỊ THỰC QUẢ	Năng Duyên	Sở Duyên	
1. Nhân Duyên	3 Nhân Vô Ký Hiệp Tâm Quả	37 Tâm Quả Hữu Nhân, 38 Tâm Sở, 15 Sắc Tâm, 20 Sắc Tái Tục	
2. Câu Sinh Trưởng	4 TRƯỞNG hợp 20 Tâm Quả Siêu Thế	20 Tâm Quả Siêu Thế 36 Tâm Sở, 15 Sắc Tâm	
3. Câu Sinh Duyên	52 Tâm Quả, 38 Tâm Sở	52 Tâm Quả, 38 Tâm Sở, 15 Sắc Tâm, 20 Sắc Tái Tục	
4. Hổ Tương Duyên	"	52 Tâm Quả, 38 Tâm Sở, Ý Vật Tái Tục	
5. Câu Sinh Y Duyên	"	52 Tâm Quả, 38 Tâm Sở, 15 Sắc Tâm, 20 Sắc Tái Tục	
6. Câu Sinh Nghiệp Duyên	Tâm Sở TƯ hợp 52 Tâm Quả	52 Tâm Quả, 37 Tâm Sở (- Tự), 15 Sắc Tâm, 20 Sắc Tái Tục	
7. Danh Vật Thực Duyên	52 Tâm Quả, Tâm Sở TƯ hợp 52 Tâm Quả Tâm Sở XÚC hợp 52 Tâm Quả	52 Tâm Quả 38 Tâm Sở 15 Sắc Tâm, 20 Sắc Tái Tục	
8. Câu Sinh Quyền	8 Danh Quyền	"	
9. Thiền Na Duyên	6 Chi Thiền	42 Tâm Quả (- 5 Song Thức), 38 Tâm Sở, 15 Sắc Tâm, 20 Sắc Tái Tục	
10. Đồ Đạo Duyên	8 Chi Đạo	37 Tâm Quả Hữu Nhân, 38 Tâm Sở, 15 Sắc Tâm, 20 Sắc Tái Tục	
11. Tương Ưng Duyên	52 Tâm Quả, 38 Tâm Sở	52 Tâm Quả, 38 Tâm Sở	
12. Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên	38 Tâm Quả (- 5 Song Thức) (- 4 Quả Vô Sắc), 38 Tâm Sở	15 Sắc Tâm 20 Sắc Tái Tục	
13. Câu Sinh Hiện Hữu Duyên	52 Tâm Quả, 38 Tâm Sở	52 Tâm Quả, 38 Tâm Sở, 15 Sắc Tâm, 20 Sắc Tái Tục	
14. Câu Sinh Bất ly	"	"	
Cộng Duyên Hiệp Lực	14		
- Nói theo Khi (Thời):	Tái Tục - Bình Nhựt		
- Nói theo Cõi:	Tứ Uẩn - Ngũ Uẩn		
- Nói theo Người:	4 Phàm - 4 Quả		
- Nói theo Lộ:	Ngũ + Ý Dục Giới Kiên Cố		

18A. ĐỊ THỤC QUẢ TÁU HỢP (Vipāka Paccayo Sabhāga)	CÂU SINH TÁU HỢP (Sahajāta Sabhāga) có 5 cách				
	Biến Hành	Hữu Hổ Tương	Hữu Hổ Tương Hữu Tương Ứng	Hữu Bất Tương Ứng	Hữu Hổ Tương Hữu Bất T. Ứng
Năng Duyên	1. 52 Tâm Quả 38 Tâm Sở 2. 15 Tâm Tái Tục Cối Ngũ Uẩn 35 Tâm Sở	1. 52 Tâm Quả 38 Tâm Sở 2. 15 Tâm Tái Tục Cối Ngũ Uẩn 35 Tâm Sở	52 Tâm Quả 38 Tâm Sở	1. 38 Tâm Quả 38 Tâm Sở (- Ngũ Song Thức và 4 Quả Vô Sắc) 2. 15 Tâm Tái Tục Cối Ngũ Uẩn 35 Tâm Sở	15 Tâm Tái Tục Cối Ngũ Uẩn 35 Tâm Sở
Sở Duyên	1. 52 Tâm Quả, 38 Tâm Sở 15 Sắc Tâm 20 Sắc Tái Tục 2. 15 Tâm Tái Tục Cối Ngũ Uẩn 35 Tâm Sở Ý Vật Tái Tục	1. 52 Tâm Quả 38 Tâm Sở 2. Ý Vật Tái Tục	52 Tâm Quả 38 Tâm Sở	1. 15 Sắc Tâm 20 Sắc Tái Tục 2. Ý Vật Tái Tục	Ý Vật Tái Tục
Mãnh Lực Duyên	5	6	7	6	7
1. Đị Thục Quả	D. T. Q.	D. T. Q.	D. T. Q.	D. T. Q.	D. T. Q.
2. Câu Sinh	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.
3. Câu Sinh Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y
4. Câu Sinh Hiện Hữu	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.
5. Câu Sinh Bất Ly	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.
6. Hổ Tương		H. T.	H. T.		H. T.
7. Tương Ứng			T. Ư.		
8. Câu Sinh Bất Tương Ứng				C. S. B. T. Ư.	C. S. B. T. Ư.
	Vô Ký - Vô Ký	Vô Ký - Vô Ký	Vô Ký - Vô Ký	Vô Ký - Vô Ký	Vô Ký - Vô Ký
Cộng Câu:	1	1	1	1	1

19. SẮC VẬT THỰC HIỆP LỰC (Rūpāhāra Paccayo Ghatanā)	CÂU # 1	
	Vô Ký trợ Vô Ký	
Năng Duyên	Sắc Vật Thực	
Sở Duyên	Sắc 4 Nhân Tạo (- Chát Bỏ trong Bọn của Duyên)	
SẮC VẬT THỰC	Năng Duyên	Sở Duyên
1. Vật Thực Hiện Hữu	Sắc Vật Thực (Đoàn Thực)	Sắc 4 Nhân Tạo
2. Vật Thực Bất Ly	Sắc Vật Thực (Đoàn Thực)	Sắc 4 Nhân Tạo
Cộng Duyên Hiệp Lực	2	
- Nói theo Khi:	Bình Nhựt	
- Nói theo Cõi:	Ngũ Uẩn	
- Nói theo Người:	4 Phàm - 4 Quả	
- Nói theo Lộ:	Lộ Sắc	

19A. SẮC VẬT THỰC TÁU HỢP (Rūpāhāra Paccayo Sabhāga)	HÒN HỢP TÁU HỢP (MISSAKA SABHĀGA)
Năng Duyên	Sắc Vật Thực (Đoàn Thực)
Sở Duyên	Sắc 4 Nhân Tạo (- Chát Bỏ trong Bọn của Duyên)
Mãnh Lực Duyên	3
1. Sắc Vật Thực	Sắc Vật Thực
2. Vật Thực Hiện Hữu	Vật Thực Hiện Hữu
3. Vật Thực Bất Ly	Vật Thực Bất Ly
	Vô Ký - Vô Ký
Cộng Câu:	1

20. DANH VẬT THỰC HIỆP LỰC (<i>Namāhārapaccayo</i> Ghatanā)	PHẦN TỔNG QUÁT		CÂU # 1	
			Thiện - Thiện	
Năng Duyên	3 Danh Vật Thực: XÚC – TƯ – 121 TÂM		3 Danh Vật Thực: XÚC – TƯ – 37 TÂM Thiện	
Sở Duyên	121 Tâm, 52 Tâm Sở, 17 Sắc Tâm, 20 Sắc Nghiệp Tái Tục		37 Tâm Thiện, 38 Tâm Sở	
DANH VẬT THỰC	Năng Duyên	Sở Duyên	Năng Duyên	Sở Duyên
1. Câu Sinh Trưởng	84 Tâm Hữu Trưởng	51 Tâm Sở, 17 Sắc Tâm	37 Tâm Hữu Trưởng	38 Tâm Sở
2. Câu Sinh Duyên	3 Danh Vật Thực	121 Tâm, 52 Tâm Sở, 17 Sắc Tâm 20 Sắc Nghiệp Tái Tục	3 Danh Vật Thực Thiện	37 Tâm Thiện 38 Tâm Sở
3. Câu Sinh Y	"	"	"	"
4. Câu Sinh Hiện Hữu	"	"	"	"
5. Câu Sinh Bất Ly Duyên	"	"	"	"
6. Câu Sinh Nghiệp	Tâm Sở hợp 121 Tâm	121 Tâm, 51 Tâm Sở (- Tư) 17 Sắc Tâm, 20 Sắc Nghiệp Tái Tục	Tâm Sở Tư hợp 37 Tâm Thiện	37 Tâm Thiện 37 Tâm Sở (- Tư)
7. Câu Sinh Quyền	121 Tâm	52 Tâm Sở, 17 Sắc Tâm 20 Sắc Nghiệp Tái Tục	37 Tâm Thiện	38 Tâm Sở
8. Hổ Tương	3 Danh Vật Thực	121 Tâm, 52 Tâm Sở Ý Vật Tái Tục	3 Danh Vật Thực Thiện	37 Tâm Thiện 38 Tâm Sở
9. Tương Ứng	"	121 Tâm, 52 Tâm Sở	"	"
10. Câu Sinh Bất T. Ứng	"	17 Sắc Tâm, 20 Sắc Nghiệp Tái Tục		
11. Dị Thực Quả	"	52 Tâm Quả, 38 Tâm Sở, 15 Sắc Tâm Quả 20 Sắc Nghiệp Tái Tục		
Cộng Duyên Hiệp Lực	11		9	
- Nói theo Khi (Thời):	Tái Tục - Bình Nhựt		Bình Nhựt	
- Nói theo Cõi:	Tứ Uẩn - Ngũ Uẩn		Tứ Uẩn - Ngũ Uẩn	
- Nói theo Người:	4 Phàm - 4 Quả		4 Phàm - 7 Thánh Hữu Học	
- Nói theo Lộ:	Ngũ + Ý + Kiên Cố		Ngũ + Đồng Lực Thiện + Kiên Cố	

20A. DANH VẬT THỰC HIỆP LỰC (<i>Namāhārapaccayo</i> Ghatanā)	CÂU # 2		CÂU # 3		CÂU # 4	
	Thiện Trợ Vô Ký		Thiện Trợ Thiện và Vô Ký		Bất Thiện Trợ Bất thiện	
Năng Duyên	3 Danh Vật Thực Thiện		3 Danh Vật Thực Thiện		3 Danh Vật Thực Bất Thiện là: XÚC - TƯ hợp Bất Thiện và 12 Bất Thiện là THỨC THỰC	
Sở Duyên	17 Sắc Tâm Thiện		37 Tâm Thiện, 38 Tâm Sở 17 Sắc Tâm Thiện		12 Tâm Bất Thiện 27 Tâm Sở	
DANH VẬT THỰC	Năng Duyên	Sở Duyên	Năng Duyên	Sở Duyên	Năng Duyên	Sở Duyên
1. Câu Sinh Trưởng	37 Tâm Thiện Hữu Trưởng	17 Sắc Tâm Thiện	37 Tâm Thiện Hữu Trưởng	38 Tâm Sở 17 Sắc Tâm	10 Tâm Bất Thiện Hữu Trưởng	26 Tâm Sở (- Hoài Nghi)
2. Câu Sinh Duyên	3 Danh Vật Thực Thiện	17 Sắc Tâm Thiện	3 Danh Vật Thực Thiện	38 Tâm Sở 17 Sắc Tâm	3 Danh Vật Thực Bất Thiện	12 Tâm Bất Thiện 27 Tâm Sở
3. Câu Sinh Y	"	"	"	"	"	"
4. Câu Sinh Hiện Hữu	"	"	"	"	"	"
5. Câu Sinh Bất Ly Duyên	"	"	"	"	"	"
6. Câu Sinh Nghiệp	Tâm Sở TƯ hợp 37 Tâm Thiện	"	Tâm Sở TƯ hợp 37 Tâm Thiện	37 Thiện 38 Tâm Sở 17 Sắc Tâm	Tâm Sở TƯ hợp 12 Tâm Bất Thiện	12 Tâm Bất Thiện 26 Tâm Sở (-Tur)
7. Câu Sinh Quyền	37 Tâm Thiện	"	37 Tâm Thiện	38 Tâm Sở 17 Sắc Tâm	12 Tâm Bất Thiện	27 Tâm Sở
8. Hỗ Tương					3 Danh Vật Thực Bất Thiện	12 Tâm Bất Thiện 27 Tâm Sở
9. Tương Ưng	3 D. V. T. Thiện	17 Sắc Tâm			"	"
10. Câu Sinh Bất T. Ưng						
11. Dị Thực Quả						
Cộng Duyên Hiệp Lực	8		7		9	
- Nói theo Khi (Thời):	Bình Nhựt		Bình Nhựt		Bình Nhựt	
- Nói theo Cõi:	Ngũ Uẩn		Ngũ Uẩn		Tứ Uẩn - Ngũ Uẩn	
- Nói theo Người:	4 Phàm - 7 Thánh Hữu Học		4 Phàm - 7 Thánh Hữu Học		4 Phàm - 3 Quả Thấp	
- Nói theo Lộ:	Ngũ + Ý + Kiên Cố		Ngũ + Ý + Kiên Cố		Ngũ + Ý	

20B. DANH VẬT THỰC HIỆP LỰC (<i>Nāmāhārapaccayo</i> Ghatanā)	CÂU # 5		CÂU # 6		CÂU # 7	
	Bất Thiện Trợ Vô Ký		B Thiện Trợ B. Thiện và Vô Ký		Vô Ký Trợ Vô Ký	
Năng Duyên	Tâm Sở XÚC – TƯ hợp 12 Tâm Bất Thiện và 12 Tâm Bất Thiện		Tâm Sở XÚC – TƯ hợp Tâm Bất Thiện và 12 Tâm Bất Thiện		Tâm Sở XÚC – TƯ hợp 72 Tâm Vô Ký và 72 Tâm Vô Ký	
Sở Duyên	17 Sắc Tâm Bất Thiện		12 Tâm Bất Thiện, 27 Tâm Sở		72 Tâm Vô Ký, 38 Tâm Sở 17 Sắc Tâm, 20 Sắc Tái Tục	
DANH VẬT THỰC	Năng Duyên	Sở Duyên	Năng Duyên	Sở Duyên	Năng Duyên	Sở Duyên
1. Câu Sinh Trưởng	10 Tâm Bất Thiện Hữu Trưởng	17 Sắc Tâm Bất Thiện	10 Tâm Bất Thiện Hữu Trưởng	26 Tâm Sở hợp 17 Sắc Tâm	37 Tâm Vô Ký Hữu Trưởng	38 Tâm Sở hợp 17 Sắc Tâm
2. Câu Sinh Duyên	3 Danh Vật Thực	17 Sắc Tâm Bất Thiện	3 Danh Vật Thực	12 Tâm Bất Thiện 27 Tâm Sở hợp 17 Sắc Tâm	3 Danh Vật Thực vô ký	72 Tâm Vô Ký 38 Tâm Sở, 17 Sắc Tâm 20 Sắc Tái Tục
3. Câu Sinh Y	"	"	"	"	"	"
4. Câu Sinh Hiện Hữu	"	"	"	"	"	"
5. Câu Sinh Bất Ly Duyên	"	"	"	"	"	"
6. Câu Sinh Nghiệp	Tâm Sở TƯ hợp 12 Tâm Bất Thiện	"	Tâm Sở TƯ hợp 12 Tâm Bất Thiện	12 Bất Thiện 26 Tâm Sở (- Tư) 17 Sắc Tâm	Tâm Sở TƯ hợp 72 Tâm vô ký	72 Tâm Vô Ký 37 Tâm Sở (- Tư) 17 Sắc Tâm, 20 Sắc Tái Tục
7. Câu Sinh Quyền	12 Tâm Bất Thiện	"	12 Tâm Bất Thiện	27 Tâm Sở 17 Sắc Tâm	72 Tâm vô ký	38 Tâm Sở, 17 Sắc Tâm, 20 Sắc Tái Tục
8. Hỗ Tương					3 Danh Vật Thực vô ký	72 Tâm Vô Ký 38 Tâm Sở, Ý Vật Tái Tục
9. Tương Ưng					3 Danh Vật Thực vô ký	72 Tâm Vô Ký, 38 Tâm Sở
10. Câu Sinh Bất T. Ưng	3 D V T Bất Thiện	17 Sắc Tâm B T			3 Danh Vật Thực vô ký	17 Sắc Tâm, 20 Sắc Tái Tục
11. Dị Thực Quả					3 Danh Vật Thực Quả	52 Tâm Quả, 38 Tâm Sở 15 Sắc Tâm, 20 Sắc Tái Tục
Cộng Duyên Hiệp Lực	8		7		11	
- Nói theo Khi (Thời):	Bình Nhựt		Bình Nhựt		Bình Nhựt	
- Nói theo Cõi:	Ngũ Uẩn		Ngũ Uẩn		Tứ Uẩn - Ngũ Uẩn	
- Nói theo Người:	4 Phàm - 3 Quả Hữu Học		4 Phàm - 3 Quả Hữu Học		4 Phàm - 4 Quả	
- Nói theo Lộ:	Ngũ + Kiên Cố		Ngũ + Kiên Cố		Ngũ + Kiên Cố	

20C. DANH VẬT THỰC TÁU HỢP (<i>Nāmahārapaccayo</i> <i>Sabhāga</i>)	CÂU SINH THÔNG THƯỜNG có 9 Cách								
	VÔ DỊ THỰC 4 Cách				HỮU DỊ THỰC 5 Cách				
	Biến Hành	Hữu Hỗ Tương	Hữu H. T. Hữu T. Ư.	Hữu Bất Tương Ứng	Biến Hành	Hữu Hỗ Tương	Hữu H. T. Hữu T. Ư.	Hữu Bất Tương Ứng	Hữu H. T. H. B. T. Ư.
Năng Duyên	3 Danh Vật Thực	3 Danh Vật Thực hiệp 121 Tâm	3 D V T hiệp 121 Tâm	3 Danh Vật Thực 107 Tâm (- 5 Song Thức và 4 Quả Vô Sắc)	3 Danh Vật Thực hiệp 52 Tâm Quả	3 Danh Vật Thực hiệp 52 Tâm Quả	3 Danh Vật Thực hiệp 52 Tâm Quả	3 Danh Vật Thực hiệp 38 Tâm Quả (- 5 Song Thức và 4 Quả Vô Sắc)	3 Danh Vật Thực hiệp 15 Tâm Tái Tục 5 Uẩn
Sở Duyên	121 Tâm 52 Tâm Sở 17 Sắc Tâm 20 Sắc Tái Tục	121 Tâm 52 Tâm Sở Ý Vật Tái Tục	121 Tâm 52 Tâm Sở	17 Sắc Tâm 20 Sắc Tái Tục	52 Tâm Quả 38 Tâm Sở 15 Sắc Tâm 20 Sắc Tái Tục	52 Tâm Quả 38 Tâm Sở Ý Vật Tái Tục	52 Tâm Quả 38 Tâm Sở	15 Sắc Tâm 20 Sắc Tái Tục	Ý Vật Tái Tục
Mãnh Lực Duyên	5	6	7	6	6	7	8	7	8
1. Danh Vật Thực	D. V. T.	D. V. T.	D. V. T.	D. V. T.	D. V. T.	D. V. T.	D. V. T.	D. V. T.	D. V. T.
2. Câu Sinh	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.
3. Câu Sinh Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y
4. C S Hiện Hữu	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.
5. C S Bất Ly	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.
6. Hỗ Tương		H. T.	H. T.			H. T.	H. T.		H. T.
7. Tương Ứng			T. Ư.				T. Ư.		
8. C S Bất T. Ư.				C. S. B. T. Ư.				C. S. B. T. Ư.	C. S. B. T. Ư.
9. Dị Thực Quả					D. T. Q.	D. T. Q.	D. T. Q.	D. T. Q.	D. T. Q.
	Thiện - Thiện Thiện - Vô Ký Thiện - T & V K B T - B T B T - V K B T - B T & V K V K - V K	T - T B T - B T V K - V K	T - T B T - B T V K - V K	Thiện - Vô Ký B T - Vô Ký V K - Vô Ký	V K - V K	V K - V K	V K - V K	V K - V K	V K - V K
Cộng Câu:	7	3	3	3	1	1	1	1	1

20D. DANH VẬT THỰC TÁU HỢP (<i>Namāhāra</i> <i>Paccayo Sabhāga</i>)	HỮU NGHIỆP TÁU HỢP (Sa Kamma Sabhāga) có 9 Cách								
	VÔ DỊ THỰC 4 Cách				HỮU DỊ THỰC 5 Cách				
	Biến Hành	Hữu Hỗ Tương	Hữu H. T. Hữu T. Ư.	Hữu Bất Tương Ứng	Biến Hành	Hữu Hỗ Tương	H. H. T. H. T. Ư.	Hữu Bất Tương Ứng	Hữu H. T. H. B. T. Ư.
Năng Duyên	Tâm Sở Tur hợp 121 Tâm	Tâm Sở Tur hợp 121 Tâm	Tâm Sở Tur hợp 121 Tâm	Tâm Sở Tur 107 Tâm (- 5 Song Thức và 4 Quả Vô Sắc)	Tâm Sở Tur hợp 52 Tâm Quả	Tâm Sở Tur hợp 52 Tâm Quả	Tâm Sở Tur hợp 52 Quả	Tâm Sở Tur hợp 38 Tâm Quả, (- 5 Song Thức và 4 Quả Vô Sắc)	Tâm Sở Tur 15 Tâm Tái Tục Cỗi 5 Uẩn
Sở Duyên	121 Tâm 51 T. Sở (-Tur) 17 Sắc Tâm 20 Sắc Tái Tục	121 Tâm 51 Tâm Sở (-Tur) Ý Vật T. T.	121 Tâm 51 Tâm Sở (-Tur)	17 Sắc Tâm 20 Sắc Tái Tục	52 Quả, 37 T. Sở (-Tur) 15 Sắc Tâm 20 Sắc T. T.	52 Tâm Quả 37 Tâm Sở (-Tur) Ý Vật T. T.	52 Tâm Quả 37 Tâm Sở (-Tur)	15 Sắc Tâm 20 Sắc Tái Tục	Ý Vật Tái Tục
Mãnh Lực Duyên	6	7	8	7	7	8	9	8	9
1. Danh Vật Thực	D. V. T.	D. V. T.	D. V. T.	D. V. T.	D. V. T.	D. V. T.	D. V. T.	D. V. T.	D. V. T.
2. Câu Sinh	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.
3. Câu Sinh Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y
4. C S Hiện Hữu	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.
5. C S Bất Ly	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.
6. C S Nghiệp	C. S. N.	C. S. N.	C. S. N.	C. S. N.	C. S. N.	C. S. N.	C. S. N.	C. S. N.	C. S. N.
7. Hỗ Tương		H. T.	H. T.			H. T.	H. T.		H. T.
8. Tương Ứng			T. Ư.				T. Ư.		
9. C S Bất T. Ư.				C. S. B. T. Ư.				C. S. B. T. Ư.	C. S. B. T. Ư.
10. Dị Thực Quả					D. T. Q.	D. T. Q.	D. T. Q.	D. T. Q.	D. T. Q.
	Thiện - Thiện Thiện - Vô Ký Thiện - T & V K B T - B T B T - V K B T - B T & V K V K - V K	T - T B T - B T V K - V K	T - T B T - B T V K - V K	Thiện - Vô Ký B T - Vô Ký V K - Vô Ký	V K - V K	V K - V K	V K - V K	Vô Ký - Vô Ký	V K - V K
Cộng Câu:	7	3	3	3	1	1	1	1	1

20E. DANH VẬT THỰC TÁU HỢP (<i>Nāmahāra Paccayo</i> <i>Sabhāga</i>)	HỮU QUYỀN LỰC TÁU HỢP có 9 Cách								
	VÔ DỊ THỰC 4 Cách				HỮU DỊ THỰC 5 Cách				
	Biến Hành	Hữu Hỗ Tương	Hữu H. T. Hữu T. Ư.	Hữu Bất Tương Ưng	Biến Hành	Hữu Hỗ Tương	H. H. T. H. T. Ư.	Hữu Bất Tương Ưng	Hữu H. T. H. B. T. Ư.
Năng Duyên	121 Tâm	121 Tâm	121 Tâm	107 Tâm (- 5 Song Thức và 4 Quả Vô Sắc)	52 Tâm Quả	52 Tâm Quả	52 Tâm Quả	38 Tâm Quả (- 5 Song Thức và 4 Quả Vô Sắc)	15 Tâm Tái Tục Cối 5 Uẩn
Sở Duyên	52 Tâm Sở 17 Sắc Tâm 20 Sắc Tái Tục	52 Tâm Sở Ý Vật T. T.	52 Tâm Sở	17 Sắc Tâm 20 Sắc Tái Tục	38 Tâm Sở 15 Sắc Tâm 20 Sắc T. T.	38 Tâm Sở Ý Vật Tái Tục	38 Tâm Sở	15 Sắc Tâm 20 Sắc Tái Tục	Ý Vật Tái Tục
Mãnh Lực Duyên	6	7	8	7	7	8	9	8	9
1. Danh Vật Thực	D. V. T.	D. V. T.	D. V. T.	D. V. T.	D. V. T.	D. V. T.	D. V. T.	D. V. T.	D. V. T.
2. Câu Sinh	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.
3. Câu Sinh Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y
4. C S Hiện Hữu	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.
5. C S Bất Ly	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.
6. C S Quyền	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.
7. Hỗ Tương		H. T.	H. T.			H. T.	H. T.		H. T.
8. Tương Ưng			T. Ư.				T. Ư.		
9. C S Bất T. Ư.				C. S. B. T. Ư.				C. S. B. T. Ư.	C. S. B. T. Ư.
10. Dị Thực Quả					D. T. Q.	D. T. Q.	D. T. Q.	D. T. Q.	D. T. Q.
	Thiện - Thiện Thiện - Vô Ký Thiện - T & V K B T - B T B T - V K B T - B T & V K V K - V K	T - T B T - B T V K - V K	T - T B T - B T V K - V K	Thiện - Vô Ký B T - Vô Ký V K - Vô Ký	V K - V K	V K - V K	V K - V K	V K - V K	V K - V K
Cộng Câu:	7	3	3	3	1	1	1	1	1

20F. DANH VẬT THỰC TÁU HỢP (<i>Namahara Paccayo</i> <i>Sabhāga</i>)	HỮU TRƯỞNG QUYỀN			TÁU HỢP			có 6 Cách	
	VÔ DỊ THỰC			3 Cách			HỮU DỊ THỰC	
	3 Cách			3 Cách			3 Cách	
	Biến Hành	Hữu Hỗ Tương Hữu Tương Ứng	Hữu Bất Tương Ứng	Biến Hành	Hữu Hỗ Tương Hữu Tương Ứng	Hữu Bất Tương Ứng		
Năng Duyên	84 Tâm Đồng Lực Hữu Trướng	84 Tâm Đồng Lực Hữu Trướng	84 Tâm Đồng Lực Hữu Trướng	20 Tâm Quả Siêu Thế	20 Tâm Quả Siêu Thế	20 Tâm Quả Siêu Thế		
Sở Duyên	51 Tâm Sở (- Hoài Nghi) 17 Sắc Tâm	51 Tâm Sở	17 Sắc Tâm	36 Tâm Sở 15 Sắc Tâm	36 Tâm Sở	15 Sắc Tâm		
Mãnh Lực Duyên	7	9	8	8	10	9		
1. Danh Vật Thực	D. V. T.	D. V. T.	D. V. T.	D. V. T.	D. V. T.	D. V. T.		
2. Câu Sinh Trướng	C. S. T.	C. S. T.	C. S. T.	C. S. T.	C. S. T.	C. S. T.		
3. Câu Sinh	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.		
4. Câu Sinh Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y		
5. C S Hiện Hữu	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.		
6. C S Bất Ly	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.		
7. C S Quyền	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.		
8. Hỗ Tương		H. T.			H. T.			
9. Tương Ứng		T. Ư.			T. Ư.			
10. C S Bất T. Ư.			C. S. B. T. Ư.			C. S. B. T. Ư.		
11. Dị Thực Quả				D. T. Q.	D. T. Q.	D. T. Q.		
	Thiện - Thiện Thiện - Vô Ký Thiện - Thiện & Vô Ký B. Thiện - B. Thiện B. Thiện - Vô Ký B T - B T & Vô Ký Vô Ký - Vô Ký	Thiện - Thiện B. Thiện - B. Thiện Vô Ký - Vô Ký	Thiện - Vô Ký Bất Thiện - Vô Ký Vô Ký - Vô Ký	Vô Ký - Vô Ký	Vô Ký - Vô Ký	Vô Ký - Vô Ký		
Cộng Câu:	7	3	3	1	1	1		

21. CÂU SINH QUYỀN HIỆP LỰC (Sahajāṭindriya Ghatanā)	PHẦN TỔNG QUÁT		CÂU # 1	
			Thiện - Thiện	
Năng Duyên	8 Danh Quyền: Tâm Sở Mạng Quyền, Tâm, Thọ, Tín Cần, Niệm, Nhất Thống và Trí Quyền		8 Danh Quyền Thiện	
Sở Duyên	121 Tâm, 52 Tâm Sở, 17 Sắc Tâm, 20 Sắc Nghiệp Tái Tục		37 Tâm Thiện, 38 Tâm Sở	
CÂU SINH QUYỀN	Năng Duyên	Sở Duyên	Năng Duyên	Sở Duyên
1. Câu Sinh Trưởng	3 Trưởng (- Dục)	84 Tâm Hữu Trưởng 51 Tâm Sở (- Hoài Nghi), 17 Sắc Tâm	3 Trưởng Thiện (- Dục)	37 Thiện 37 Tâm Sở (- Dục)
2. Câu Sinh Duyên	8 Danh Quyền	121 Tâm, 52 Tâm Sở, 17 Sắc Tâm, 20 S N T T	8 Danh Quyền Thiện	37 Thiện, 38 Tâm Sở
3. Câu Sinh Y Duyên	"	"	"	"
4. Câu Sinh Hiện Hữu	"	"	"	"
5. Câu Sinh Bất Ly Duyên	"	"	"	"
6. Danh Vật Thực	Thức Thực (121 Tâm)	52 Tâm Sở, 17 Sắc Tâm, 20 Sắc N. Tái Tục	37 Tâm Thiện	38 Tâm Sở
7. Thiền Na	Thọ, Nhất Thống	111 Tâm, 52 Tâm Sở (- 5 Song Thức) 17 Sắc Tâm, 20 Sắc Tái Tục	37 Thọ 37 Nhất Thống	37 Tâm Thiện 38 Tâm Sở
8. Đồ Đạo Duyên	Trí, Cần, Niệm Nhất Thống	103 Tâm Hữu Nhân, 52 Tâm Sở 17 Sắc Tâm, 20 Sắc Nghiệp Tái Tục	Trí, Cần, Niệm Nhất Thống	37 Tâm Thiện 38 Tâm Sở
9. Nhân Duyên	Trí	79 Tâm Tam Nhân, 37 Tâm Sở 17 Sắc Tâm, 20 Sắc Nghiệp Tái Tục	Trí	33 Tam Nhân Thiện 37 Tâm Sở (- Trí)
10. Hỗ Tương	8 Danh Quyền	121 Tâm, 52 Tâm Sở, Ý Vật Tái Tục	8 Danh Quyền Thiện	37 Thiện, 38 Tâm Sở
11. Tương Ưng	"	121 Tâm, 52 Tâm Sở	"	"
12. Câu Sinh Bất T. Ưng	"	17 Sắc Tâm, 20 Sắc Nghiệp Tái Tục		
13. Dị Thực Quả	8 Danh Quyền Dị Thực Quả	52 Tâm Quả, 38 Tâm Sở 15 Sắc Tâm Quả, 20 Sắc Nghiệp Tái Tục		
Cộng Duyên Hiệp Lực	13		11	
- Nói theo Khi (Thời):	Tái Tục - Bình Nhựt		Bình Nhựt	
- Nói theo Cõi:	Tứ Uẩn - Ngũ Uẩn		Tứ Uẩn - Ngũ Uẩn	
- Nói theo Người:	4 Phàm - 4 Quả		4 Phàm - 7 Thánh Hữu Học	
- Nói theo Lộ:	Ngũ + Ý + Kiên Cố		Ngũ + Ý + Kiên Cố	

21A. CÂU SINH QUYỀN HIỆP LỰC	CÂU # 2		CÂU # 3		CÂU # 4	
	Thiện - Vô Ký		Thiện - Thiện và Vô Ký		Bất Thiện - Bất Thiện	
Năng Duyên	8 Danh Quyền Thiện		8 Danh Quyền Thiện		5 Danh Quyền Bất Thiện (- Tín, Niệm, Trí)	
Sở Duyên	17 Sắc Tâm Thiện		37 Thiện, 38 Tâm Sở, 17 Sắc Tâm Thiện		12 Tâm Bất Thiện, 27 Tâm Sở	
CÂU SINH QUYỀN	Năng Duyên	Sở Duyên	Năng Duyên	Sở Duyên	Năng Duyên	Sở Duyên
1. C S Trưởng	3 Trưởng Thiện (- Dục)	17 Sắc Tâm Thiện	3 Trưởng Thiện	37 Tâm Thiện, 37 Tâm Sở 17 Sắc Tâm Thiện	2 Trưởng Bất Thiện	10 Tâm Bất Thiện 26 Tâm Sở (- 2 Si)
2. C S Duyên	8 Danh Quyền Thiện	"	8 Danh Quyền Thiện	37 Thiện, 38 Tâm Sở 17 Sắc Tâm	5 Danh Quyền Bất Thiện	12 Tâm Bất Thiện 27 Tâm Sở
3. Câu Sinh Y	"	"	"	"	"	"
4. C S Hiện Hữu	"	"	"	"	"	"
5. C S Bất Ly	"	"	"	"	"	"
6. Danh Vật Thực	37 Tâm Thiện	"	37 Tâm Thiện	38 Tâm Sở, 17 Sắc Tâm	12 Tâm Bất Thiện	27 Tâm Sở
7. Thiền Na	Thọ Nhất Thống	"	Thọ Nhất Thống	37 Tâm Thiện, 38 Tâm Sở 17 Sắc Tâm	Thọ Nhất Thống	12 Tâm Bất Thiện 27 Tâm Sở
8. Đồ Đạo	Trí, Căn, Niệm Nhất Thống	"	Trí, Căn, Niệm Nhất Thống	"	Căn Nhất Thống	"
9. Nhân Duyên	Trí	"	Trí	33 Tâm Thiện Tam Nhân 37 Tâm Sở, 17 Sắc Tâm		
10. Hỗ Tương					5 Danh Quyền Bất Thiện	12 Tâm Bất Thiện 27 Tâm Sở
11. Tương Ưng					"	"
12. C S Bất T. Ưng	8 D. Q. Thiện	17 S. T. Thiện				
13. Dị Thực Quả						
Cộng Duyên H L	10		9		10	
- Nói theo Khi:	Bình Nhựt		Bình Nhựt		Bình Nhựt	
- Nói theo Cõi:	Ngũ Uẩn		Ngũ Uẩn		Tứ Uẩn - Ngũ Uẩn	
- Nói theo Người:	4 Phàm - 7 Thánh Hữu Học		4 Phàm - 7 Thánh Hữu Học		4 Phàm - 3 Quả Hữu Học	
- Nói theo Lộ:	Ngũ + Ý + Kiên Cố		Ngũ + Ý + Kiên Cố		Ngũ + Ý	

21B. CÂU SINH QUYỀN HIỆP LỰC (Sahajātindriya Ghatanā)	CÂU # 5		CÂU # 6		CÂU # 7	
	Bất Thiện - Vô Ký		Bất Thiện - Bất Thiện và Vô Ký		Vô Ký - Vô Ký	
Năng Duyên	5 Danh Quyền Bất Thiện		5 Danh Quyền Bất Thiện		8 Danh Quyền Vô Ký	
Sở Duyên	17 Sắc Tâm Bất Thiện		12 Tâm Bất Thiện, 27 Tâm Sở 17 Sắc Tâm Bất Thiện		52 Tâm Quả 20 Tâm Duy Tác 38 Tâm Sở 17 Sắc Tâm 20 Sắc Tái Tục	
CÂU SINH QUYỀN	Năng Duyên	Sở Duyên	Năng Duyên	Sở Duyên	Năng Duyên	Sở Duyên
1. Câu Sinh Trưởng	10 Tâm Bất Thiện, Cần	17 Sắc Tâm	10 Tâm Bất Thiện, Cần	10 Tâm Bất Thiện 26 Tâm Sở 17 Sắc Tâm	3 Trưởng Vô Ký	37 Tâm Trưởng Vô Ký Hữu Nhân 38 Tâm Sở 17 Sắc Tâm
2. Câu Sinh Duyên	5 Danh Quyền Bất Thiện	"	5 Danh Quyền Bất Thiện	12 Tâm Bất Thiện 27 Tâm Sở, 17 Sắc Tâm	8 Danh Quyền Vô Ký	72 Tâm Vô Ký 38 Tâm Sở 17 Sắc Tâm 20 Sắc Tái Tục
3. Câu Sinh Y	"	"	"	"	"	"
4. Câu Sinh Hiện Hữu	"	"	"	"	"	"
5. Câu Sinh Bất Ly	"	"	"	"	"	"
6. Danh Vật Thực	12 Tâm Bất Thiện	"	12 Tâm Bất Thiện	27 Tâm Sở 17 Sắc Tâm	72 Tâm Vô Ký	38 Tâm Sở 17 Sắc Tâm 20 Sắc Tái Tục

7. Thiên Na	Thọ Nhất Thống	17 Sắc Tâm	Thọ Nhất Thống	12 Tâm Bất Thiện 27 Tâm Sở, 17 Sắc Tâm	Thọ Nhất Thống	62 Tâm Vô Ký 38 Tâm Sở (- Ngũ Song Thức) 17 Sắc Tâm 20 Sắc Tái Tục
8. Đồ Đạo	Cần Nhất Thống	17 Sắc Tâm	Cần Nhất Thống	12 Tâm Bất Thiện 27 Tâm Sở, 17 Sắc Tâm	Trí, Cần, Niệm Nhất Thống	54 Tâm Vô Ký Hữu Nhân 38 Tâm Sở 17 Sắc Tâm 20 Sắc Tái Tục
9. Nhân Duyên					Trí	46 Tâm Vô Ký Tam Nhân 38 Tâm Sở 17 Sắc Tâm 20 Sắc Tái Tục
10. Hổ Tương					8 Danh Quyền Vô Ký	72 Tâm Vô Ký 38 Tâm Sở Ý Vật Tái Tục
11. Tương Ứng					"	72 Tâm Vô Ký 38 Tâm Sở
12. Câu Sinh Bất T. Ừng	5 Danh Quyền Bất Thiện	17 Sắc Tâm			"	17 Sắc Tâm 20 Sắc Tái Tục
13. Dị Thực Quả					"	52 Tâm Quả 38 Tâm Sở 15 Sắc Tâm 20 Sắc Tái Tục
Cộng Duyên Hiệp Lực	9		8		13	
- Nói theo Khi (Thời):	Bình Nhựt		Bình Nhựt		Tái Tục - Bình Nhựt	
- Nói theo Cõi:	Ngũ Uẩn		Ngũ Uẩn		Tứ Uẩn - Ngũ Uẩn	
- Nói theo Người:	4 Phàm - 3 Quả Hữu Học		4 Phàm - 3 Quả Hữu Học		4 Phàm - 4 Quả	
- Nói theo Lộ:	Ngũ + Ý		Ngũ + Ý		Ngũ + Ý + Kiên Cố	

21C. CÂU SINH QUYỀN TÁU HỢP (Sahajātindriya Sabhāga)	CÂU SINH THÔNG THƯỜNG TÁU HỢP có 9 Cách								
	VÔ DỊ THỰC 4 Cách				HỮU DỊ THỰC 5 Cách				
	Biến Hành	Hữu HỔ Tương	Hữu H. T. Hữu T. Ư.	Hữu Bất Tương Ứng	Biến Hành	Hữu HỔ Tương	Hữu H. T. Hữu T. Ư.	Hữu Bất Tương Ứng	Hữu H. T. H. B. T. Ư.
Năng Duyên	8 Danh Quyền	8 Danh Quyền	8 Danh Quyền	8 Danh Quyền	8 Danh Quyền Dị Thực Quả	8 Danh Quyền Dị Thực Quả	8 Danh Quyền Dị Thực Quả	8 Danh Quyền Dị Thực Quả	8 Danh Quyền Dị Thực Quả
Sở Duyên	121 Tâm 52 Tâm Sở 17 Sắc Tâm 20 Sắc Tái Tục	121 Tâm 52 Tâm Sở Ý Vật T. T.	121 Tâm 52 Tâm Sở	17 Sắc Tâm 20 Sắc Tái Tục	52 Tâm Quả 38 Tâm Sở 15 Sắc Tâm 20 Sắc Tái Tục	52 Tâm Quả 38 Tâm Sở Ý Vật Tái Tục	52 Tâm Quả 38 Tâm Sở	15 Sắc Tâm 20 Sắc Tái Tục	Ý Vật Tái Tục Ngũ Uẩn
Mãnh Lực Duyên	5	6	7	6	6	7	8	7	8
1. Câu Sinh Quyền	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.
2. Câu Sinh	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.
3. Câu Sinh Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y
4. C S Hiện Hữu	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.
5. C S Bất Ly	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.
6. HỔ Tương		H. T.	H. T.			H. T.	H. T.		H. T.
7. Tương Ứng			T. Ư.				T. Ư.		
8. C S Bất T. Ư.				C. S. B. T. Ư.				C. S. B. T. Ư.	C. S. B. T. Ư.
9. Dị Thực Quả					D. T. Q.	D. T. Q.	D. T. Q.	D. T. Q.	D. T. Q.
	Thiện - Thiện Thiện - Vô Ký Thiện - T & V K B T - B T B T - V K B T - B T & V K V K - V K	T - T B T - B T V K - V K	T - T B T - B T V K - V K	Thiện - Vô Ký B T - Vô Ký V K - Vô Ký	V K - V K	V K - V K	V K - V K	V K - V K	V K - V K
Cộng Câu:	7	3	3	3	1	1	1	1	1

21D. CÂU SINH QUYỀN TÀU HỢP	HỮU ĐỒ ĐẠO				TÀU HỢP				
	VÔ DỊ THỰC		4 Cách		HỮU DỊ THỰC				
	Biến Hành	Hữu Hỗ Tương	Hữu H. T. Hữu T. Ư.	Hữu Bất Tương Ưng	Biến Hành	Hữu Hỗ Tương	Hữu H. T. Hữu T. Ư.	Hữu Bất Tương Ưng	Hữu H. T. H. B. T. Ư.
Năng Duyên	Cần, Niệm Nhất Thống Trí	4 Danh Quyền	4 Danh Quyền	4 Danh Quyền	4 Danh Quyền Quả Hữu Nhân	37 Quả Hữu Nhân, 38 T. Sở Ý Vật Tái Tục	4 Danh Quyền Quả Hữu Nhân	4 Danh Quyền Quả Hữu Nhân	4 Danh Quyền Quả Hữu Nhân
Sở Duyên	103 Tâm Hữu N. 52 Tâm Sở 17 Sắc Tâm 20 Sắc Tái Tục	103 Tâm Hữu Nhân 52 Tâm Sở Ý Vật T. T.	103 Tâm Hữu Nhân 52 Tâm Sở	17 Sắc Tâm 20 Sắc Tái Tục	37 Quả Hữu N. 38 Tâm Sở 15 Sắc Tâm 20 Sắc Tái Tục	37 Tâm Quả Hữu Nhân 38 Tâm Sở Ý Vật Tái Tục	37 Tâm Quả Hữu Nhân 38 Tâm Sở	15 Sắc Tâm 20 Sắc Tái Tục	Ý Vật Tái Tục Hữu Nhân
Mãnh Lực D.	6	7	8	7	7	8	9	8	9
1. C S Quyền	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.
2. Câu Sinh	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.
3. Câu Sinh Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y
4. C S Hiện H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.
5. C S Bất Ly	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.
6. Đồ Đạo	Đ. Đ.	Đ. Đ.	Đ. Đ.	Đ. Đ.	Đ. Đ.	Đ. Đ.	Đ. Đ.	Đ. Đ.	Đ. Đ.
7. Hỗ Tương		H. T.	H. T.			H. T.	H. T.		H. T.
8. T. Ưng			T. Ư.				T. Ư.		
9. C S B. T. Ư.				C. S. B. T. Ư.				C. S. B. T. Ư.	C. S. B. T. Ư.
10. Dị T. Quả					D. T. Q.	D. T. Q.	D. T. Q.	D. T. Q.	D. T. Q.
	Thiện - Thiện Thiện - Vô Ký Thiện - T & V K B T - B T B T - V K B T - B T & V K V K - V K	Thiện - Thiện B T - B T V K - V K	T - T B T - B T V K - V K	Thiện - Vô Ký B T - Vô Ký V K - Vô Ký	V K - V K	V K - V K	V K - V K	V K - V K	V K - V K
Cộng Câu:	7	3	3	3	1	1	1	1	1

21E. CÂU SINH QUYỀN TÁU HỢP	HỮU THIÊN NA TÁU HỢP có 9 Cách								
	VÔ DỊ THỰC 4 Cách				HỮU DỊ THỰC 5 Cách				
	Biến Hành	Hữu Hổ Tương	Hữu Hổ T. Hữu T. Ư.	Hữu Bất Tương Ứng	Biến Hành	Hữu Hổ Tương	Hữu Hổ T. Hữu T. Ư.	Hữu Bất Tương Ứng	Hữu Hổ T. H. B. T. Ư.
Năng Duyên	Thọ Nhất Thống	Thọ Nhất Thống	Thọ Nhất Thống	Thọ Nhất Thống	Thọ Nhất Thống	Thọ Nhất Thống	Thọ Nhất Thống	Thọ Nhất Thống	Thọ Nhất Thống
Sở Duyên	111 Tâm (- 5 Song Thức) 52 Tâm Sở 17 Sắc Tâm 20 Sắc Tái Tục	111 Tâm 52 Tâm Sở Ý Vật Tái Tục	111 Tâm (- 5 Song Thức) 52 Tâm Sở	17 Sắc Tâm 20 Sắc Tái Tục	42 Tâm Quả (- 5 Song Thức) 38 Tâm Sở 15 Sắc Tâm 20 Sắc Tái Tục	42 Tâm Quả 38 Tâm Sở Ý Vật Tái Tục	42 Tâm Quả 38 Tâm Sở	15 Sắc Tâm 20 Sắc Tái Tục	Ý Vật Tái Tục
Mãnh Lực D.	6	7	8	7	7	8	9	8	9
1. C S Quyền	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.
2. Câu Sinh	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.
3. Câu Sinh Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y
4. C S Hiện H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.
5. C S Bất Ly	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.
6. Thiên Na	T. N.	T. N.	T. N.	T. N.	T. N.	T. N.	T. N.	T. N.	T. N.
7. Hổ Tương		H. T.	H. T.			H. T.	H. T.		H. T.
8. Tương Ứng			T. Ư.				T. Ư.		
9. C S B. T. Ư.				C. S. B. T. Ư.				C. S. B. T. Ư.	C. S. B. T. Ư.
10. Dị T. Quả					D. T. Q.	D. T. Q.	D. T. Q.	D. T. Q.	D. T. Q.
	Thiện - Thiện Thiện - Vô Ký Thiện - T & V K B T - B T B T - V K B T - B T & V K V K - V K	Thiện - Thiện B T - B T V K - V K	T - T B T - B T V K - V K	Thiện - Vô Ký B T - Vô Ký V K - Vô Ký	V K - V K	V K - V K	V K - V K	V K - V K	V K - V K
Cộng Câu:	7	3	3	3	1	1	1	1	1

21F. CÂU SINH QUYỀN TÁU HỢP	HỮU THIÊN NA - ĐỒ ĐẠO				TÁU HỢP có 9 Cách				
	VÔ DỊ THỰC 4 Cách				HỮU DỊ THỰC 5 Cách				
	Biến Hành	Hữu Hỗ Tương	Hữu H. T. Hữu T. Ư.	Hữu Bất Tương Ứng	Biến Hành	Hữu Hỗ Tương	Hữu H. T. Hữu T. Ư.	Hữu Bất Tương Ứng	Hữu Hỗ T. H. B. T. Ư.
Năng Duyên	Nhất Thống	Nhất Thống	Nhất Thống	Nhất Thống	Nhất Thống	Nhất Thống	Nhất Thống	Nhất Thống	Nhất Thống
Sở Duyên	102 Tâm Hữu Nhân (- Hoài Nghi) 50 Tâm Sở (- Định, Hoài Nghi) 17 Sắc Tâm, 20 Sắc T T	102 Tâm Hữu Nhân 50 Tâm Sở Ý Vật T. T.	102 Tâm Hữu Nhân 50 Tâm Sở	17 Sắc Tâm 20 Sắc Tái Tục	37 Tâm Quả Hữu Nhân 37 T S (- Định) 15 Sắc Tâm 20 Sắc Tái Tục	37 Tâm Quả Hữu Nhân 37 Tâm Sở Ý Vật Tái Tục	37 Tâm Quả Hữu Nhân 37 Tâm Sở	15 Sắc Tâm Quả Hữu Nhân 20 Sắc Tái Tục	Ý Vật Tái Tục Hữu Nhân
Mãnh Lực D.	7	8	9	8	8	9	10	9	10
1. C S Quyền	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.
2. Câu Sinh	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.
3. Câu Sinh Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y
4. C S Hiện H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.
5. C S Bất Ly	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.
6. Thiên Na	T. N.	T. N.	T. N.	T. N.	T. N.	T. N.	T. N.	T. N.	T. N.
7. Đồ Đạo	Đ. Đ.	Đ. Đ.	Đ. Đ.	Đ. Đ.	Đ. Đ.	Đ. Đ.	Đ. Đ.	Đ. Đ.	Đ. Đ.
8. Hỗ Tương		H. T.	H. T.			H. T.	H. T.		H. T.
9. Tương Ư.			T. Ư.				T. Ư.		
10. C S B T. Ư.				C. S. B. T. Ư.				C. S. B. T. Ư.	C. S. B. T. Ư.
11. Dị T. Quả					D. T. Q.	D. T. Q.	D. T. Q.	D. T. Q.	D. T. Q.
	Thiện - Thiện Thiện - Vô Ký Thiện - T & V K B T - B T B T - V K B T - B T & V K V K - V K	Thiện-Thiện B T - B T V K - V K	Thiện-Thiện B T - B T V K - V K	Thiện - V K B T - V K V K - V K	V K - V K	V K - V K	V K - V K	V K - V K	V K - V K
Cộng Câu:	7	3	3	3	1	1	1	1	1

21G. CÂU SINH QUYỀN TÁU HỢP	HỮU VẬT THỰC TÁU HỢP CÓ 9 Cách								
	VÔ DỊ THỰC 4 Cách				HỮU DỊ THỰC 5 Cách				
	Biến Hành	Hữu Hổ Tương	Hữu H. T. Hữu T. Ư.	Hữu Bất Tương Ứng	Biến Hành	Hữu Hổ Tương	Hữu H. T. Hữu T. Ư.	Hữu Bất Tương Ứng	Hữu H. T. H. B. T. Ư.
Năng Duyên	121 Tâm	121 Tâm	121 Tâm	107 Tâm (- 5 Song Thức và 4 Quả Vô Sắc)	52 Tâm Quả	52 Tâm Quả	52 Tâm Quả	38 Tâm Quả (- 5 Song Thức và 4 Quả Vô Sắc)	15 Tâm Tái Tục Cối 5 Uẩn
Sở Duyên	52 Tâm Sở 17 Sắc Tâm 20 Sắc Tái Tục	52 Tâm Sở Ý Vật Tái Tục	52 Tâm Sở	17 Sắc Tâm 20 Sắc Tái Tục	38 Tâm Sở 15 Sắc Tâm 20 Sắc Tái T.	38 Tâm Sở Ý Vật Tái Tục	38 Tâm Sở	15 Sắc Tâm 20 Sắc Tái Tục	Ý Vật Tái Tục
Mãnh Lực D.	6	7	8	7	7	8	9	8	9
1. C S Quyền	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.
2. Câu Sinh	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.
3. Câu Sinh Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y
4. C S Hiện H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.
5. C S Bất Ly	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.
6. D. Vật Thực	D. V. T.	D. V. T.	D. V. T.	D. V. T.	D. V. T.	D. V. T.	D. V. T.	D. V. T.	D. V. T.
7. Hổ Tương		H. T.	H. T.			H. T.	H. T.		H. T.
8. Tương Ư.			T. Ư.				T. Ư.		
9. C S B. T. Ư.				C. S. B. T. Ư.				C. S. B. T. Ư.	C. S. B. T. Ư.
10. Dị T. Quả					D. T. Q.	D. T. Q.	D. T. Q.	D. T. Q.	D. T. Q.
	Thiện - Thiện Thiện - Vô Ký Thiện - T & V K B T - B T B T - V K B T - B T & V K V K - V K	Thiện-Thiện B T - B T V K - V K	Thiện-Thiện B T - B T V K - V K	Thiện - V K B T - V K V K - V K	V K - V K	V K - V K	V K - V K	V K - V K	V K - V K
Cộng Câu:	7	3	3	3	1	1	1	1	1

21 H. CÂU SINH QUYỀN TÁU HỢP (Sahajātindriya Sabhāga)	HỮU TRƯỞNG VẬT THỰC TÁU HỢP có 6 Cách					
	VÔ DỊ THỰC 3 Cách			HỮU DỊ THỰC 3 Cách		
	Biến Hành	Hữu Hổ Tương Hữu Tương Ứng	Hữu Bất Tương Ứng	Biến Hành	Hữu Hổ Tương Hữu Tương Ứng	Hữu Bất Tương Ứng
Năng Duyên	84 Tâm Đồng Lực Hữu Trướng	84 Tâm Đồng Lực Hữu Trướng	84 Tâm Đồng Lực Hữu Trướng	20 Tâm Quả Siêu Thế	20 Tâm Quả Siêu Thế	20 Tâm Quả Siêu Thế
Sở Duyên	51 Tâm Sở (- Hoài Nghi) 17 Sắc Tâm	51 Tâm Sở (- Hoài Nghi)	17 Sắc Tâm	36 Tâm Sở 15 Sắc Tâm	36 Tâm Sở	15 Sắc Tâm
Mãnh Lực Duyên	7	9	8	8	10	9
1. Câu Sinh Quyền	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.
2. Câu Sinh	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.
3. Câu Sinh Hiện Hữu	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.
4. Câu Sinh Bất Ly	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.
5. Câu Sinh Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y
6. Câu Sinh Trướng	C. S. T.	C. S. T.	C. S. T.	C. S. T.	C. S. T.	C. S. T.
7. Danh Vật Thực	D. V. T.	D. V. T.	D. V. T.	D. V. T.	D. V. T.	D. V. T.
8. Hổ Tương		H. T.			H. T.	
9. Tương Ứng		T. Ư.			T. Ư.	
10. C S Bất Tương Ứng			C. S. B. T. Ư.			C. S. B. T. Ư.
11. Dị Thực Quả				D. T. Q.	D. T. Q.	D. T. Q.
	Thiện - Thiện Thiện - Vô Ký Thiện - Thiện & V K B. Thiện - B. Thiện B. Thiện - Vô Ký B. T. - B. T. & V K Vô Ký - Vô Ký	Thiện - Thiện B. Thiện - B. Thiện Vô Ký - Vô Ký	Thiện - Vô Ký Bất Thiện - Vô Ký Vô Ký - Vô Ký	Vô Ký - Vô Ký	Vô Ký - Vô Ký	Vô Ký - Vô Ký
Cộng Câu:	7	3	3	1	1	1

21 I. CÂU SINH QUYỀN TÁU HỢP (Sahajāṭindriya Sabhāga)	HỮU TRƯỞNG ĐỒ ĐẠO TÁU HỢP có 6 Cách					
	VÔ DỊ THỰC 3 Cách			HỮU DỊ THỰC 3 Cách		
	Biến Hành	Hữu Hỗ Tương Hữu Tương Ứng	Hữu Bất Tương Ứng	Biến Hành	Hữu Hỗ Tương Hữu Tương Ứng	Hữu Bất Tương Ứng
Năng Duyên	CẦN - TRÍ	CẦN - TRÍ	CẦN - TRÍ	CẦN - TRÍ Hợp Tâm Quả Siêu Thế	CẦN - TRÍ Hợp Tâm Quả Siêu Thế	CẦN - TRÍ Hợp Tâm Quả Siêu Thế
Sở Duyên	84 Tâm Đồng Lực Hữu Trưởng 50 Tâm Sở (- Hoài Nghi và Pháp Đang Làm Trưởng) 17 Sắc Tâm	84 Tâm Đồng Lực Hữu Trưởng 50 Tâm Sở (- Hoài Nghi và Pháp Đang Làm Trưởng)	17 Sắc Tâm	20 Quả Siêu Thế 35 Tâm Sở 15 Sắc Tâm Pháp Đang Làm Trưởng	20 Quả Siêu Thế 35 Tâm Sở	15 Sắc Tâm
Mãnh Lực Duyên	7	9	8	8	10	9
1. Câu Sinh Quyền	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.
2. Câu Sinh Trưởng	C. S. T.	C. S. T.	C. S. T.	C. S. T.	C. S. T.	C. S. T.
3. Câu Sinh	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.
4. Câu Sinh Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y
5. Câu Sinh Hiện Hữu	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.
6. Câu Sinh Bất Ly	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.
7. Đồ Đạo Duyên	Đ. Đ.	Đ. Đ.	Đ. Đ.	Đ. Đ.	Đ. Đ.	Đ. Đ.
8. Hỗ Tương		H. T.			H. T.	
9. Tương Ứng		T. Ư.			T. Ư.	
10. C S Bất T. Ư.			C. S. B. T. Ư.			C. S. B. T. Ư.
11. Dị Thực Quả				D. T. Q.	D. T. Q.	D. T. Q.
	Thiện - Thiện Thiện - Vô Ký Thiện - Thiện & V K B. Thiện - B. Thiện B. Thiện - Vô Ký B. T. - B. T. & V K Vô Ký - Vô Ký	Thiện - Thiện B. Thiện - B. Thiện Vô Ký - Vô Ký	Thiện - Vô Ký Bất Thiện - Vô Ký Vô Ký - Vô Ký	Vô Ký - Vô Ký	Vô Ký - Vô Ký	Vô Ký - Vô Ký
Cộng Câu:	7	3	3	1	1	1

21J. CÂU SINH QUYỀN TÁU HỢP	HỮU NHÂN ĐỒ ĐẠO				TÁU HỢP				
	VÔ DỊ THỰC		4 Cách		HỮU DỊ THỰC		5 Cách		
	Biến Hành	Hữu Hổ Tương	Hữu H. T. Hữu T. Ư.	Hữu Bất Tương Ứng	Biến Hành	Hữu Hổ Tương	Hữu H. T. Hữu T. Ư.	Hữu Bất Tương Ứng	Hữu H. T. H. B. T. Ư.
Năng Duyên	TRÍ	TRÍ	TRÍ	TRÍ	TRÍ	TRÍ	TRÍ	TRÍ	TRÍ
Sở Duyên	79 Tâm Tam Nhân 37 Tâm Sở 17 Sắc Tâm 20 Sắc Tái Tục	79 Tâm Tam Nhân 37 Tâm Sở Ý Vật Tái Tục	79 Tâm Tam Nhân 37 Tâm Sở (- Trí)	17 Sắc Tâm 20 Sắc Tái Tục	33 Tâm Quả Tam Nhân 37 Tâm Sở 15 Sắc Tâm 20 Sắc Tái Tục	33 Quả Tam Nhân 37 Tâm Sở Ý Vật Tái Tục	33 Quả Tam Nhân 37 Tâm Sở (- Trí)	15 Sắc Tâm 20 Sắc Tái Tục	Ý Vật Tái Tục Tam Nhân
Mãnh Lực D.	7	8	9	8	8	9	10	9	10
1. C S Quyền	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.
2. Câu Sinh	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.
3. Câu Sinh Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y
4. C S Hiện Hữu	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.
5. C S Bất Ly	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.
6. Đồ Đạo	Đ. Đ.	Đ. Đ.	Đ. Đ.	Đ. Đ.	Đ. Đ.	Đ. Đ.	Đ. Đ.	Đ. Đ.	Đ. Đ.
7. Nhân Duyên	N. D.	N. D.	N. D.	N. D.	N. D.	N. D.	N. D.	N. D.	N. D.
8. Hổ Tương		H. T.	H. T.			H. T.	H. T.		H. T.
9. Tương Ứng			T. Ư.				T. Ư.		
10. C S B. T. Ư.				C. S. B. T. Ư.				C. S. B. T. Ư.	C. S. B. T. Ư.
11. Dị T. Quả					D. T. Q.	D. T. Q.	D. T. Q.	D. T. Q.	D. T. Q.
	Thiện - Thiện Thiện - Vô Ký Thiện - T & V K Vô Ký - Vô Ký	Thiện-Thiện V K - V K	Thiện-Thiện V K - V K	Thiện - V K V K - V K	V K - V K	V K - V K	V K - V K	V K - V K	V K - V K
Cộng Câu:	4	2	2	2	1	1	1	1	1

21K. CÂU SINH QUYỀN TÁU HỢP (Sahajāṭindriya Sabhāga)	HỮU TRƯỞNG NHÂN ĐỒ ĐẠO TÁU HỢP CÓ 6 Cách					
	VÔ DỊ THỰC 3 Cách			HỮU DỊ THỰC 3 Cách		
	Biến Hành	Hữu Hổ Tương Hữu Tương Ứng	Hữu Bất Tương Ứng	Biến Hành	Hữu Hổ Tương Hữu Tương Ứng	Hữu Bất Tương Ứng
Năng Duyên	TRÍ	TRÍ	TRÍ	TRÍ	TRÍ	TRÍ
Sở Duyên	66 Tâm Đồng Lực Hữu Trưởng Tam Nhân 37 Tâm Sở 17 Sắc Tâm	66 Tâm Đồng Lực Hữu Trưởng Tam Nhân 37 Tâm Sở	17 Sắc Tâm	20 Quả Siêu Thế 35 Tâm Sở (- Trí) 15 Sắc Tâm	20 Quả Siêu Thế 35 Tâm Sở	15 Sắc Tâm
Mãnh Lực Duyên	8	10	9	9	11	10
1. Câu Sinh Quyền	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.
2. Câu Sinh Trưởng	C. S. T.	C. S. T.	C. S. T.	C. S. T.	C. S. T.	C. S. T.
3. Câu Sinh	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.
4. Câu Sinh Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y
4. Câu Sinh Hiện Hữu	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.
5. Câu Sinh Bất Ly	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.
7. Đồ Đạo Duyên	Đ. Đ.	Đ. Đ.	Đ. Đ.	Đ. Đ.	Đ. Đ.	Đ. Đ.
8. Nhân Duyên	N. D.	N. D.	N. D.	N. D.	N. D.	N. D.
9. Hổ Tương		H. T.			H. T.	
10. Tương Ứng		T. Ư.			T. Ư.	
11. Câu Sinh Bất T. Ưng			C. S. B. T. Ư.			C. S. B. T. Ư.
12. Dị Thực Quả				D. T. Q.	D. T. Q.	D. T. Q.
	Thiện - Thiện Thiện - Vô Ký Thiện - Thiện & V K Vô Ký - Vô Ký	Thiện - Thiện Vô Ký - Vô Ký	Thiện - Vô Ký Vô Ký - Vô Ký	Vô Ký - Vô Ký	Vô Ký - Vô Ký	Vô Ký - Vô Ký
Cộng Câu:	4	2	2	1	1	1

22. TIỀN SINH QUYỀN HIỆP LỰC (Purejātindriya Paccayo Ghatanā)	HIỆP LỰC I	
	Vô Ký Trợ Vô Ký	
Năng Duyên	5 Sắc Thanh Triệt Trung Thọ	
Sở Duyên	5 Song Thức 7 Tâm Sở	
TIỀN SINH QUYỀN	Năng Duyên	Sở Duyên
1. Vật Tiền Sinh Y	5 Sắc Thanh Triệt Trung Thọ	5 Song Thức 7 Tâm Sở
2. Vật Tiền Sinh	"	"
3. V. T. S. Bất Tương Ứng	"	"
4. Vật Tiền Sinh Hiện Hữu	"	"
5. Vật Tiền Sinh Bất Ly	"	"
Cộng Duyên Hiệp Lực	5	
- Nói theo Khi (Thời):	Bình Nhứt	
- Nói theo Cõi:	Ngũ Uẩn	
- Nói theo Người:	4 Đạo - 4 Quả	
- Nói theo Lộ:	Ngũ + Ý	

22A. TIỀN SINH QUYỀN TÁU HỢP (Purejātindriya Paccayo Sabhāga)	TÁU HỢP I
	LINH TINH TÁU HỢP (PAKINNAKA SABHĀGA)
Năng Duyên	5 Sắc Thanh Triệt Trung Thọ
Sở Duyên	5 Song Thức 7 Tâm Sở
Mãnh Lực Duyên	6
1. Tiền Sinh Quyền	T. S. Q.
2. Vật Tiền Sinh Y	V. T. S. Y
3. Vật Tiền Sinh	V. T. S.
4. V. T. S. Bất Tương Ứng	V. T. S. B. T. U.
5. Vật Tiền Sinh Hiện Hữu	V. T. S. H. H.
6. Vật Tiền Sinh Bất Ly	V. T. S. B. L.
	Vô Ký - Vô Ký
Cộng Câu:	1

23. SẮC MẠNG QUYỀN HIỆP LỰC (Rūpindriya paccayo Ghatanā)	HIỆP LỰC I	
	Vô Ký Trợ Vô Ký	
Năng Duyên	Sắc Mạng Quyền	
Sở Duyên	Sắc Nghiệp 9 hoặc 8 đồng bọn với Duyên	
SẮC MẠNG QUYỀN	Năng Duyên	Sở Duyên
1. Sắc Mạng Quyền Hiện Hữu	Sắc Mạng Quyền	Sắc Nghiệp 9 hoặc 8 đồng bọn với Duyên
2. Sắc Mạng Quyền Bất Ly	"	"
Cộng Duyên Hiệp Lực	2	
- Nói theo Khi (Thời):	Tái Tục - Bình Nhứt	
- Nói theo Cõi:	Nhứt Uẩn - Ngũ Uẩn	
- Nói theo Người:	4 Đạo - 4 Quả	
- Nói theo Lộ:	Lộ Sắc	

23A. SẮC MẠNG QUYỀN TÁU HỢP (Rūpindriya paccayo Sabhāga)	TÁU HỢP I	
	Hỗn hợp - TÁU HỢP	
Năng Duyên	Sắc Mạng Quyền	
Sở Duyên	Sắc Nghiệp 9 hoặc 8 đồng bọn với Duyên	
Mãnh Lực Duyên	3	
1. Sắc Mạng Quyền Duyên	S. M. Q.	
2. Sắc Mạng Quyền Hiện Hữu	S. M. Q. Hiện Hữu	
3. Sắc Mạng Quyền Bất Ly	S. M. Q. Bất Ly	
	Vô Ký - Vô Ký	
Cộng Câu:	1	

24. THIỀN NA DUYÊN HIỆP LỰC (Jhānapaccayo Ghatanā)	PHẦN TỔNG QUÁT		CÂU # 1	
			Thiền - Thiện	
Năng Duyên	<u>7 Chi Thiền</u> : Tầm, Tứ, Hỷ Thọ, Ưu Thọ, Hỷ, Xả, Nhất Thống hợp 111 Tâm (-Ngũ Song Thức)		6 Chi Thiền Thiện (- Ưu Thọ)	
Sở Duyên	111 Tâm (-Ngũ Song Thức), 52 Tâm Sở 17 Sắc Tâm, 20 Sắc Nghiệp Tái Tục		37 Tâm Thiện, 38 Tâm Sở	
THIỀN NA DUYÊN	Năng Duyên	Sở Duyên	Năng Duyên	Sở Duyên
1. Câu Sinh Duyên	7 Chi Thiền	111 Tâm, 52 Tâm Sở, 17 Sắc Tâm 20 Sắc Nghiệp Tái Tục	6 Chi Thiền	37 Tâm Thiện 38 Tâm Sở
2. Câu Sinh Y	"	"	"	"
3. Câu Sinh Hiện Hữu	"	"	"	"
4. Câu Sinh Bất Ly	"	"	"	"
5. Câu Sinh Quyền	4 Chi Thiền: Hỷ Thọ, Ưu Thọ Xả Thọ và Nhất Thống	"	3 Chi Thiền: Hỷ Thọ, Xả Nhất Thống	"
6. Đồ Đạo Duyên	2 Chi Thiền: Tầm, Nhất Thống	103 Tâm Hữu Nhân, 52 Tâm Sở, 17 Sắc Tâm, 20 Sắc Nghiệp Tái Tục	Tầm Nhất Thống	"
7. Hổ Tương	7 Chi Thiền	111 Tâm, 52 Tâm Sở, Ý Vật Tái Tục	6 Chi Thiền	"
8. Tương Ứng	"	111 Tâm, 52 Tâm Sở	"	"
9. Câu Sinh Bất T. Ứng	"	17 Sắc Tâm, 20 Sắc Nghiệp Tái Tục		
10. Dị Thực Quả	6 Chi Thiền (- Ưu Thọ)	42 Tâm Quả, 38 Tâm Sở 15 Sắc Tâm, 20 Sắc Nghiệp Tái Tục		
Cộng Duyên Hiệp Lực	10		8	
- Nói theo Khi (Thời):	Tái Tục - Bình Nhựt		Bình Nhựt	
- Nói theo Cõi:	Tứ Uẩn - Ngũ Uẩn		Tứ Uẩn - Ngũ Uẩn	
- Nói theo Người:	4 Phàm - 4 Quả		4 Phàm - 7 Thánh Hữu Học	
- Nói theo Lộ:	Ngũ + Ý + Kiên Cố		Ngũ + Ý + Kiên Cố	

24A. THIỀN NA DUYÊN HIỆP LỰC (Jhānapaccayo Ghatanā)	CÂU # 2		CÂU # 3		CÂU # 4	
	Thiện - Vô Ký		Thiện - Thiện và Vô Ký		Bất Thiện - Bất Thiện	
Năng Duyên	6 Chi Thiền Thiện (- Ưu Thọ)		6 Chi Thiền Thiện (- Ưu Thọ)		7 Chi Thiền Bất Thiện	
Sở Duyên	17 Sắc Tâm		37 Tâm Thiện 38 Tâm Sở 17 Sắc Tâm Thiện		12 Tâm Bất Thiện 27 Tâm Sở	
THIỀN NA DUYÊN	Năng Duyên	Sở Duyên	Năng Duyên	Sở Duyên	Năng Duyên	Sở Duyên
1. Câu Sinh Duyên	6 Chi Thiền	17 Sắc Tâm	6 Chi Thiền	37 Tâm Thiện 38 Tâm Sở 17 Sắc Tâm	7 Chi Thiền Bất Thiện	12 Tâm Bất Thiện 27 Tâm Sở
2. Câu Sinh Y	"	"	"	"	"	"
3. Câu Sinh Hiện Hữu	"	"	"	"	"	"
4. Câu Sinh Bất Ly	"	"	"	"	"	"
5. Câu Sinh Quyền	3 Chi Thiền Thiện	"	3 Chi Thiền Thiện	"	4 Chi Thiền	"
6. Đồ Đạo Duyên	Tâm, Nhất Thống	"	Tâm, Nhất Thống	"	Tâm, Nhất Thống	"
7. Hổ Tương					7 Chi Thiền Bất Thiện	"
8. Tương Ưng					"	"
9. Câu Sinh Bất T. Ưng	6 Chi Thiền	17 Sắc Tâm				
10. Dị Thục Quả						
Cộng Duyên Hiệp Lực	7		6		8	
- Nói theo Khi:	Bình Nhựt		Bình Nhựt		Bình Nhựt	
- Nói theo Cõi:	Ngũ Uẩn		Ngũ Uẩn		Tứ Uẩn - Ngũ Uẩn	
- Nói theo Người:	4 Phàm - 7 Thánh Hữu Học		4 Phàm - 7 Thánh Hữu Học		4 Phàm - 3 Quả Hữu Học	
- Nói theo Lộ:	Ngũ + Ý + Kiên Cố		Ngũ + Ý + Kiên Cố		Ngũ + Ý	

24B. THIỀN NA DUYÊN HIỆP LỰC (Jhānapaccayo Ghatanā)	CÂU # 5		CÂU # 6		CÂU # 7	
	Bất Thiện - Vô Ký		Bất Thiện - Bất Thiện và Vô Ký		Vô Ký - Vô Ký	
Năng Duyên	7 Chi Thiền Bất Thiện		7 Chi Thiền Bất Thiện		6 Chi Thiền Vô Ký (- Ưu Thọ)	
Sở Duyên	17 Sắc Tâm		12 Tâm Bất Thiện 27 Tâm Sở 17 Sắc Tâm		62 Tâm Vô Ký (- Ngũ Song Thức) 38 Tâm Sở 17 Sắc Tâm 20 Sắc Nghiệp Tái Tục	
THIỀN NA DUYÊN	Năng Duyên	Sở Duyên	Năng Duyên	Sở Duyên	Năng Duyên	Sở Duyên
1. Câu Sinh Duyên	7 Chi Thiền	17 Sắc Tâm	7 Chi Thiền	12 Bất Thiện 27 Tâm Sở 17 Sắc Tâm	6 Chi Thiền Vô Ký (- Ưu)	62 Tâm Vô Ký, 38 Tâm Sở 17 Sắc Tâm 20 Sắc Nghiệp Tái Tục
2. Câu Sinh Y	"	"	"	"	"	"
3. Câu Sinh Hiện Hữu	"	"	"	"	"	"
4. Câu Sinh Bất Ly	"	"	"	"	"	"
5. Câu Sinh Quyền	4 Chi Thiền	"	4 Chi Thiền	"	3 Chi Thiền: Hỷ, Xả Nhất Thống	"
6. Đồ Đạo Duyên	Tâm Nhất Thống	"	Tâm Nhất Thống	"	Tâm Nhất Thống	54 Tâm Vô Ký Hữu Nhân 38 Tâm Sở, 17 Sắc Tâm 20 Sắc Nghiệp Tái Tục
7. Hổ Tương					6 Chi Thiền	62 Tâm Vô Ký, 38 Tâm Sở Ý Vật Tái Tục
8. Tương Ưng					"	62 Tâm Vô Ký, 38 Tâm Sở
9. Câu Sinh Bất T. Ưng	7 Chi Thiền	17 Sắc Tâm			"	17 Sắc Tâm 20 Sắc Nghiệp Tái Tục
10. Dị Thục Quả					"	42 Tâm Quả, 38 Tâm Sở 15 Sắc Tâm, 20 Sắc N. Tái Tục
Cộng Duyên Hiệp Lực	7		6		10	
- Nói theo Khi:	Bình Nhựt		Bình Nhựt		Tái Tục - Bình Nhựt	
- Nói theo Cõi:	Ngũ Uẩn		Ngũ Uẩn		Tứ Uẩn - Ngũ Uẩn	
- Nói theo Người:	4 Phàm - 3 Quả Hữu Học		4 Phàm - 3 Quả Hữu Học		4 Phàm - 4 Quả	
- Nói theo Lộ:	Ngũ + Ý		Ngũ + Ý		Ngũ + Ý + Kiên Cố	

24C. THIỀN NA DUYÊN TÁU HỢP (Jhānapaccayo Sabhāga)	CÂU SINH TÁU HỢP có 9 Cách								
	VÔ DỊ THỰC 4 Cách				HỮU DỊ THỰC 5 Cách				
	Biến Hành	Hữu Hỗ Tương	Hữu H. T. Hữu T. Ư.	Hữu Bất Tương Ưng	Biến Hành	Hữu Hỗ Tương	Hữu H. T. Hữu T. Ư.	Hữu Bất Tương Ưng	Hữu H. T. H. B. T. Ư.
Năng Duyên	5 Chi Thiền: Tâm, Tứ Hỷ, Thọ và Nhất Thống	Tâm, Tứ, Hỷ, Thọ và Nhất Thống	Tâm, Tứ, Hỷ, Thọ và Nhất Thống	Tâm, Tứ, Hỷ, Thọ và Nhất Thống	Tâm, Tứ, Hỷ, Thọ và Nhất Thống	Tâm, Tứ, Hỷ, Thọ và Nhất Thống	Tâm, Tứ, Hỷ, Thọ và Nhất Thống	Tâm, Tứ, Hỷ, Thọ và Nhất Thống	Tâm, Tứ, Hỷ, Thọ và Nhất Thống
Sở Duyên	111 Tâm 52 Tâm Sở 17 Sắc Tâm 20 S N Tái Tục	111 Tâm 52 Tâm Sở Ý Vật Tái Tục	111 Tâm 52 Tâm Sở	17 Sắc Tâm 20 S. Nghiệp Tái Tục	42 Tâm Quả 38 Tâm Sở 15 Sắc Tâm 20 S N Tái Tục	42 Tâm Quả 38 Tâm Sở Ý Vật Tái Tục	42 Tâm Quả 38 Tâm Sở	15 Sắc Tâm 20 Sắc N. Tái Tục	Ý Vật Tái Tục Cõi 5 Uẩn
Mãnh Lực D.	5	6	7	6	6	7	8	7	8
1. Thiền Na	T. N.	T. N.	T. N.	T. N.	T. N.	T. N.	T. N.	T. N.	T. N.
2. Câu Sinh	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.
3. Câu Sinh Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y
4. C S Hiện Hữu	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.
5. C S Bất Ly	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.
6. Hỗ Tương		H. T.	H. T.			H. T.	H. T.		H. T.
7. Tương Ưng			T. Ư.				T. Ư.		
8. C S Bất T. Ư.				C. S. B. T. Ư.				C. S. B. T. Ư.	C. S. B. T. Ư.
9. Dị Thực Quả					D. T. Q.	D. T. Q.	D. T. Q.	D. T. Q.	D. T. Q.
	Thiền - Thiền Thiền - Vô Ký Thiền - T & V K B. T. - B. T. B. T. - Vô Ký B. T. - B. T. & V K Vô Ký - Vô Ký	Thiền-Thiền B. T. - B. T. V K - V K	Thiền-Thiền B. T. - B. T. V K - V K	Thiền - V K B. T. - V K V K - V K	V K - V K	V K - V K	V K - V K	V K - V K	V K - V K
Cộng Câu:	7	3	3	3	1	1	1	1	1

24D. THIỀN NA DUYÊN TÁU HỢP (Jhānapaccayo Sabhāga)	HỮU QUYỀN LỰC				TÁU HỢP				
	VÔ DỊ THỰC		4 Cách		HỮU DỊ THỰC				
	Biến Hành	Hữu Hỗ Tương	Hữu H. T. Hữu T. Ư.	Hữu Bất Tương Ưng	Biến Hành	Hữu Hỗ Tương	Hữu H. T. Hữu T. Ư.	Hữu Bất Tương Ưng	Hữu H. T. H. B. T. Ư.
Năng Duyên	2 Chi Thiền: Thọ và Nhất Thống	Thọ và Nhất Thống	Thọ và Nhất Thống	Thọ và Nhất Thống	Thọ và Nhất Thống	Thọ và Nhất Thống	Thọ và Nhất Thống	Thọ và Nhất Thống	Thọ và Nhất Thống
Sở Duyên	111 Tâm 52 Tâm Sở 17 Sắc Tâm 20 S N Tái Tục	111 Tâm 52 Tâm Sở Ý Vật Tái Tục	111 Tâm 52 Tâm Sở	17 Sắc Tâm 20 S. Nghiệp Tái Tục	42 Tâm Quả 38 Tâm Sở 15 Sắc Tâm 20 S N Tái Tục	42 Tâm Quả 38 Tâm Sở Ý Vật Tái Tục	42 Tâm Quả 38 Tâm Sở	15 Sắc Tâm 20 Sắc N. Tái Tục	Ý Vật Tái Tục
Mãnh Lực D.	6	7	8	7	7	8	9	8	9
1. Thiền Na	T. N.	T. N.	T. N.	T. N.	T. N.	T. N.	T. N.	T. N.	T. N.
2. Câu Sinh	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.
3. Câu Sinh Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y
4. C S Hiện Hữu	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.
5. C S Bất Ly	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.
6. C S Quyền	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.
7. Hỗ Tương		H. T.	H. T.			H. T.	H. T.		H. T.
8. Tương Ưng			T. Ư.				T. Ư.		
9. C S B. T. Ư.				C. S. B. T. Ư.				C. S. B. T. Ư.	C. S. B. T. Ư.
10. Dị Thực Quả					D. T. Q.	D. T. Q.	D. T. Q.	D. T. Q.	D. T. Q.
	Thiện - Thiện Thiện - Vô Ký Thiện - T & V K B. T. - B. T. B. T. - Vô Ký B. T. - B. T. & V K Vô Ký - Vô Ký	Thiện-Thiện B. T. - B. T. V K - V K	Thiện-Thiện B. T. - B. T. V K - V K	Thiện - V K B. T. - V K V K - V K	V K - V K	V K - V K	V K - V K	V K - V K	V K - V K
Cộng Câu:	7	3	3	3	1	1	1	1	1

24E. THIỀN NA DUYÊN TÁU HỢP (Jhānapaccayo Sabhāga)	HỮU ĐỒ ĐẠO TÁU HỢP có 9 Cách								
	VÔ DỊ THỰC 4 Cách				HỮU DỊ THỰC 5 Cách				
	Biến Hành	Hữu HỔ Tương	Hữu H. T. Hữu T. Ư.	Hữu Bất Tương Ưng	Biến Hành	Hữu HỔ Tương	Hữu H. T. Hữu T. Ư.	Hữu Bất Tương Ưng	Hữu H. T. H. B. T. Ư.
Năng Duyên	2 Chi Thiền: Tâm và Định	Tâm, Định	Tâm, Định	Tâm, Định	Tâm, Định	Tâm, Định	Tâm, Định	Tâm, Định	Tâm, Định
Sở Duyên	103 Hữu Nhân 52 Tâm Sở 17 Sắc Tâm 20 S N Tái Tục	103 Tâm Hữu Nhân 52 Tâm Sở Ý Vật T. Tục	103 Tâm Hữu Nhân 52 Tâm Sở	17 Sắc Tâm 20 S. Nghiệp Tái Tục	37 Tâm Quả Hữu Nhân 38 Tâm Sở 15 Sắc Tâm 20 S N Tái Tục	37 Tâm Quả 38 Tâm Sở Ý Vật Tái Tục	37 Tâm Quả 38 Tâm Sở	15 Sắc Tâm 20 Sắc Nghiệp Tái Tục	Ý Vật Tái Tục
Mãnh Lực D.	6	7	8	7	7	8	9	8	9
1. Thiền Na	T. N.	T. N.	T. N.	T. N.	T. N.	T. N.	T. N.	T. N.	T. N.
2. Câu Sinh	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.
3. Câu Sinh Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y
4. C S Hiện Hữu	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.
5. C S Bất Ly	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.
6. Đồ Đạo Duyên	Đ. Đ.	Đ. Đ.	Đ. Đ.	Đ. Đ.	Đ. Đ.	Đ. Đ.	Đ. Đ.	Đ. Đ.	Đ. Đ.
7. Hổ Tương		H. T.	H. T.			H. T.	H. T.		H. T.
8. Tương Ưng			T. Ư.				T. Ư.		
9. C S B. T. Ư.				C. S. B. T. Ư.				C. S. B. T. Ư.	C. S. B. T. Ư.
10. Dị Thực Quả					D. T. Q.	D. T. Q.	D. T. Q.	D. T. Q.	D. T. Q.
	Thiền - Thiền Thiền - Vô Ký Thiền - T & V K B. T. - B. T. B. T. - Vô Ký B. T. - B. T. & V K Vô Ký - Vô Ký	Thiền-Thiền B. T. - B. T. V K - V K	Thiền-Thiền B. T. - B. T. V K - V K	Thiền - V K B. T. - V K V K - V K	V K - V K	V K - V K	V K - V K	V K - V K	V K - V K
Cộng Câu:	7	3	3	3	1	1	1	1	1

24F. THIỀN NA DUYÊN TÁU HỢP (Jhānapaccayo Sabhāga)	HỮU QUYỀN LỰC - ĐỒ ĐẠO TÁU HỢP có 9 Cách								
	VÔ DỊ THỰC 4 Cách				HỮU DỊ THỰC 5 Cách				
	Biến Hành	Hữu Hỗ Tương	Hữu H. T. Hữu T. Ư.	Hữu Bất Tương Ứng	Biến Hành	Hữu Hỗ Tương	Hữu H. T. Hữu T. Ư.	Hữu Bất Tương Ứng	Hữu H. T. H. B. T. Ư.
Năng Duyên	Chi Thiền: Tâm Sở Định	Tâm Sở Định	Tâm Sở Định	Tâm Sở Định	Tâm Sở Định	Tâm Sở Định	Tâm Sở Định	Tâm Sở Định	Tâm Sở Định
Sở Duyên	102 Hữu Nhân 50 Tâm Sở 17 Sắc Tâm 20 S N Tái Tục	102 Tâm Hữu Nhân 50 TâmSở Ý Vật T. T.	102 Tâm Hữu Nhân 50 Tâm Sở	17 Sắc Tâm 20 S. Nghiệp Tái Tục	37 Quả Hữu N. 37 Tâm Sở 15 Sắc Tâm 20 S N Tái Tục	37 Tâm Quả 37 Tâm Sở Ý Vật Tái Tục	37 Tâm Quả 37 Tâm Sở	15 Sắc Tâm 20 Sắc nghiệp Tái Tục	Ý Vật Tái Tục (Hữu Nhân)
Mãnh Lực D.	7	8	9	8	8	9	10	9	10
1. Thiền Na	T. N.	T. N.	T. N.	T. N.	T. N.	T. N.	T. N.	T. N.	T. N.
2. Câu Sinh	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.
3. Câu Sinh Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y
4. C S Hiện Hữu	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.
5. C S Bất Ly	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.
6. C S Quyền	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.
7. Đồ Đạo Duyên	Đ. Đ.	Đ. Đ.	Đ. Đ.	Đ. Đ.	Đ. Đ.	Đ. Đ.	Đ. Đ.	Đ. Đ.	Đ. Đ.
8. Hỗ Tương		H. T.	H. T.			H. T.	H. T.		H. T.
9. Tương Ứng			T. Ư.				T. Ư.		
10. C S B. T. Ư.				C. S. B. T. Ư.				C. S. B. T. Ư.	C. S. B. T. Ư.
11. Dị Thực Quả					D. T. Q.	D. T. Q.	D. T. Q.	D. T. Q.	D. T. Q.
	Thiền - Thiền Thiền - Vô Ký Thiền - T & V K B. T. - B. T. B. T. - Vô Ký B. T. - B. T. & V K Vô Ký - Vô Ký	Thiền-Thiền B. T. - B. T. V K - V K	Thiền-Thiền B. T. - B. T. V K - V K	Thiền - V K B. T. - V K V K - V K	V K - V K	V K - V K	V K - V K	V K - V K	V K - V K
Cộng Câu:	7	3	3	3	1	1	1	1	1

25. ĐỒ ĐẠO DUYÊN HIỆP LỰC (Maggapaccayo Ghatanā)	PHẦN TỔNG QUÁT		CÂU # 1	
			Thiện - Thiện	
Năng Duyên	<u>9 Chi Đạo</u> : TRÍ, CẦN, TÂM, NIỆM, NHẤT THỐNG NGĂN TRỪ PHẢN VÀ TÀ KIẾN		8 Chi ĐạoThiện (- Tà Kiến)	
Sở Duyên	103 Tâm Hữu Nhân, 52 Tâm Sở, 17 Sắc Tâm Hữu Nhân, 20 Sắc Nghiệp Tái Tục		37 Tâm Thiện 38 Tâm Sở	
ĐỒ ĐẠO DUYÊN	Năng Duyên	Sở Duyên	Năng Duyên	Sở Duyên
1. Câu Sinh Duyên	9 Chi Đạo	103 Tâm Hữu Nhân 52 Tâm Sở 17 Sắc Tâm Hữu Nhân 20 Sắc Tái Tục	8 Chi Đạo Thiện	37 Tâm Thiện 38 Tâm Sở
2. Câu Sinh Y	9 Chi Đạo	"	"	"
3. Câu Sinh Hiện Hữu	9 Chi Đạo	"	"	"
4. Câu Sinh Bất Ly	9 Chi Đạo	"	"	"
5. Câu Sinh Quyền	TRÍ CẦN NIỆM NHẤT THỐNG	"	TRÍ CẦN NIỆM NHẤT THỐNG	"
6. Thiền Na Duyên	TÂM NHẤT THỐNG	"	TÂM NHẤT THỐNG	"
7. Câu Sinh Trưởng	CẦN TRÍ	84 Tâm Đồng Lực Hữu Trưởng 50 Tâm Sở (- CẦN, TRÍ đang làm TRƯỞNG) 17 Sắc Tâm	CẦN TRÍ	37 Tâm Thiện 37 Tâm Sở

8. Nhân Duyên	TRÍ	79 Tâm Tam Nhân 37 Tâm Sở 17 Sắc Tâm 20 Sắc Tái Tục	TRÍ	33 Tâm Thiện Tam Nhân 37 Tâm Sở
9. Hổ Tương	9 Chi Đạo	103 Tâm Hữu Nhân 52 Tâm Sở Ý Vật Tái Tục	8 Chi ĐạoThiện	37 Tâm Thiện 38 Tâm Sở
10. Tương Ứng	9 Chi Đạo	103 Tâm Hữu Nhân 52 Tâm Sở	8 Chi ĐạoThiện	37 Tâm Thiện 38 Tâm Sở
11. Câu Sinh Bất Tương Ứng	9 Chi Đạo	17 Sắc Tâm 20 Sắc Tái Tục		
12. Dị Thục Quả	5 Chi Đạo Trong Tâm Quả Siêu Thế (- Tà Kiến, Ngăn Trừ Phần)	37 Tâm Quả 38 Tâm Sở 15 Sắc Tâm 20 Sắc Tái Tục		
Cộng Duyên Hiệp Lực	12		10	
- Nói theo Khi (Thời):	Tái Tục - Bình Nhựt		Bình Nhựt	
- Nói theo Cõi:	Tứ Uẩn - Ngũ Uẩn		Tứ Uẩn - Ngũ Uẩn	
- Nói theo Người:	4 Phàm - 4 Quả		4 Phàm - 7 Thánh Hữu Học	
- Nói theo Lộ:	Ngũ + Ý + Kiên Cố		Ngũ + Ý + Kiên Cố	

25A. ĐỒ ĐẠO DUYÊN HIỆP LỰC (Maggapaccayo Ghatanā)	CÂU # 2		CÂU # 3		CÂU # 4	
	Thiện - Vô Ký		Thiện - Thiện và Vô Ký		Bất Thiện - Bất Thiện	
Năng Duyên	8 Chi Đạo Thiện		8 Chi Đạo Thiện (- Tà Kiến)		4 Chi Đạo Bất Thiện: TÂM, CẦN NHẤT THÔNG và TÀ KIẾN	
Sở Duyên	17 Sắc Tâm Thiện		37 Sắc Tâm Thiện, 38 Tâm Sở, 17 Sắc Tâm Thiện		12 Tâm Bất Thiện, 27 Tâm Sở	
ĐỒ ĐẠO DUYÊN	Năng Duyên	Sở Duyên	Năng Duyên	Sở Duyên	Năng Duyên	Sở Duyên
1. Câu Sinh Duyên	8 Chi Đạo Thiện	17 Sắc Tâm	8 Chi Đạo Thiện	37 Tâm Thiện 38 Tâm Sở, 17 Sắc Tâm	4 Chi Đạo Bất Thiện	27 Tâm Bất Thiện 27 Tâm Sở
2. Câu Sinh Y	"	"	"	"	"	"
3. Câu Sinh Hiện Hữu	"	"	"	"	"	"
4. Câu Sinh Bất Ly	"	"	"	"	"	"
5. Câu Sinh Quyền	Trí, Cần, Niệm Nhất Thông	"	Trí, Cần, Niệm Nhất Thông	"	Cần Nhất Thông	"
6. Thiền Na Duyên	Tâm Nhất Thông	"	Tâm Nhất Thông	"	Tâm Nhất Thông	"
7. Câu Sinh Trưởng	CẦN, TRÍ	"	CẦN, TRÍ	37 Tâm Thiện 37 Tâm Sở, 17 Sắc Tâm	CẦN	10 Bất Thiện 2 Nhân 25 Tâm Sở
8. Nhân Duyên	TRÍ	"	TRÍ	38 Tâm Thiện Tam Nhân 37 Tâm Sở, 17 Sắc Tâm		
9. Hổ Tương					4 Chi Đạo Bất Thiện	12 Tâm Bất Thiện 27 Tâm Sở
10. Tương Ưng					"	"
11. Câu Sinh Bất T. Ưng	8 Chi Đạo	17 Sắc Tâm				
12. Dị Thục Quả						
Cộng Duyên Hiệp Lực	9		8		9	
- Nói theo Khi:	Bình Nhựt		Bình Nhựt		Bình Nhựt	
- Nói theo Cõi:	Ngũ Uẩn		Ngũ Uẩn		Tứ Uẩn - Ngũ Uẩn	
- Nói theo Người:	4 Phàm - 7 Thánh Hữu Học		4 Phàm - 7 Thánh Hữu Học		4 Phàm - 3 Quả Hữu Học	
- Nói theo Lộ:	Ngũ + Ý + Kiên Cố		Ngũ + Ý + Kiên Cố		Ngũ + Ý	

25B. ĐỒ ĐẠO HIỆP LỰC	CẦU # 5		CẦU # 6		CẦU # 7	
	Bất Thiện - Vô Ký		Bất Thiện - Bất Thiện và Vô Ký		Vô Ký - Vô Ký	
Năng Duyên	4 Chi Đạo Bất Thiện		4 Chi Đạo Bất Thiện		8 Chi Đạo Vô Ký (- Tà Kiến)	
Sở Duyên	17 Sắc Tâm Bất Thiện		12 Tâm Bất Thiện, 27 Tâm Sở 17 Sắc Tâm Bất Thiện		37 Quả Hữu Nhân, 17 Duy Tác Hữu Nhân, 38 Tâm Sở 17 Sắc Tâm Vô Ký, 20 S N Tái Tục với Tâm Hữu Nhân	
ĐỒ ĐẠO DUYÊN	Năng Duyên	Sở Duyên	Năng Duyên	Sở Duyên	Năng Duyên	Sở Duyên
1. Câu Sinh	4 Chi Đạo Bất Thiện	17 Sắc Tâm Bất Thiện	4 Chi Đạo Bất Thiện	12 Tâm Bất Thiện 27 Tâm Sở, 17 Sắc Tâm	8 Chi Đạo Vô Ký (- Tà Kiến)	54 Vô Ký Hữu Nhân, 38 Tâm Sở 17 Sắc Tâm , 20 Sắc Tái Tục
2. Câu Sinh Y	"	"	"	"	"	"
3. C S Hiện Hữu	"	"	"	"	"	"
4. C S Bất Ly	"	"	"	"	"	"
5. C S Quyền	Cần Nhất Thống	"	Cần Nhất Thống	"	Trí, Cần, Niệm Nhất Thống	"
6. Thiền Na	Tâm Nhất Thống	"	Tâm Nhất Thống	"	Tâm Nhất Thống	"
7. C S Trưởng	CẦN	"	CẦN	10 Bất Thiện Nhị Nhân 25 Tâm Sở, 17 Sắc Tâm	CẦN, TRÍ	20 Quả Siêu Thế, 17 Duy Tác Hữu Nhân, 37 Tâm Sở, 17 Sắc Tâm
8. Nhân Duyên					TRÍ	46 Tâm Vô Ký Tam Nhân 37 Tâm Sở, 17 Sắc Tâm , 20 Sắc Tái Tục
9. Hổ Tương					8 Chi Đạo	54 Tâm Vô Ký Hữu Nhân 38 Tâm Sở, Ý Vật Tái Tục
10. Tương Ứng					"	54 Vô Ký Hữu Nhân, 38 Tâm Sở
11. C S B. T. Ưng	4 Chi Đạo B T	17 Sắc Tâm			"	17 Sắc Tâm, 20 Sắc Nghiệp Tái Tục
12. Dị Thực Quả					"	37 Tâm Quả Hữu Nhân, 38 Tâm Sở 15 Sắc Tâm, 20 Sắc Tái Tục
Cộng Duyên HL	8		7		12	
- Nói theo Khi:	Bình Nhựt		Bình Nhựt		Tái Tục - Bình Nhựt	
- Nói theo Cõi:	Ngũ Uẩn		Ngũ Uẩn		Tứ Uẩn - Ngũ Uẩn	
- Nói theo Người:	4 Phàm - 3 Quả Hữu Học		4 Phàm - 3 Quả Hữu Học		4 Phàm - 4 Quả	
- Nói theo Lộ:	Ngũ + Ý		Ngũ + Ý		Ngũ + Ý + Kiên Cố	

25C. ĐỒ ĐẠO TÁU HỢP (Maggapaccayo Sabhāga)	CÂU SINH TÁU HỢP có 9 Cách								
	VÔ DỊ THỰC 4 Cách				HỮU DỊ THỰC 5 Cách				
	Biến Hành	Hữu HỔ Tương	Hữu HỔ T. Hữu T. Ư.	Hữu Bất Tương Ứng	Biến Hành	Hữu HỔ Tương	Hữu HỔ T. Hữu T. Ư.	Hữu Bất Tương Ứng	Hữu HỔ T. H. B. T. Ư.
Năng Duyên	9 CHI ĐẠO	9 CHI ĐẠO	9 CHI ĐẠO	9 CHI ĐẠO	8 CHI ĐẠO (- Tà Kiến)	8 CHI ĐẠO	8 CHI ĐẠO	8 CHI ĐẠO	5 CHI ĐẠO (- Tà Kiến và Ngăn Trừ Phần)
Sở Duyên	103 Hữu Nhân 52 Tâm Sở 17 Sắc Tâm Hữu Nhân 20 Sắc Tái Tục	103 Tâm Hữu N. 52 Tâm Sở Ý Vật Tái Tục	103 Tâm Hữu N. 52 Tâm Sở	17 Sắc Tâm Hữu Nhân 20 Sắc Tái Tục	37 Tâm Quả Hữu Nhân 38 Tâm Sở 15 Sắc Tâm 20 Sắc Tái Tục	37 Quả H. Nhân 38 Tâm Sở Ý Vật Tái Tục	37 Quả H. Nhân 38 Tâm Sở	15 Sắc Tâm H. Nhân 20 Sắc Tái Tục	Ý Vật Tái Tục Cõi Ngũ Uẩn với Tâm Tam nhân
Mãnh Lực D.	5	6	7	6	6	7	8	7	8
1. Đồ Đạo	Đ. Đ.	Đ. Đ.	Đ. Đ.	Đ. Đ.	Đ. Đ.	Đ. Đ.	Đ. Đ.	Đ. Đ.	Đ. Đ.
2. Câu Sinh	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.
3. Câu Sinh Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y
4. C S Hiện Hữu	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.
5. C S Bất Ly	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.
6. HỔ Tương		H. T.	H. T.			H. T.	H. T.		H. T.
7. Tương Ứng			T. Ư.				T. Ư.		
8. C S B. T. Ư.				C. S. B. T. Ư.				C. S. B. T. Ư.	C. S. B. T. Ư.
9. Dị Thực Quả					D. T. Q.	D. T. Q.	D. T. Q.	D. T. Q.	D. T. Q.
	Thiện - Thiện Thiện - Vô Ký Thiện - T & V K B. T. - B. T. B. T. - Vô Ký B. T. - B. T. & V K Vô Ký - Vô Ký	Thiện-Thiện B. T. - B. T. V K - V K	Thiện-Thiện B. T. - B. T. V K - V K	Thiện - V K B. T. - V K V K - V K	V K - V K	V K - V K	V K - V K	V K - V K	V K - V K
Cộng Câu:	7	3	3	3	1	1	1	1	1

25D. ĐỒ ĐẠO TÁU HỢP (Maggapaccayo Sabbāga)	HỮU QUYỀN TÁU HỢP có 9 Cách								
	VÔ DỊ THỰC 4 Cách				HỮU DỊ THỰC 5 Cách				
	Biến Hành	Hữu HỔ Tương	Hữu HỔ T. Hữu T. Ư.	Hữu Bất Tương Ưng	Biến Hành	Hữu HỔ Tương	Hữu HỔ T. Hữu T. Ư.	Hữu Bất Tương Ưng	Hữu HỔ T. Hữu B. T. Ư.
Năng Duyên	TRÍ, CẦN, NIỆM NHẤT THỐNG	4 CHI ĐẠO	4 CHI ĐẠO	4 CHI ĐẠO	4 CHI ĐẠO	4 CHI ĐẠO	4 CHI ĐẠO	4 CHI ĐẠO	4 CHI ĐẠO
Sở Duyên	103 Tâm Hữu Nhân 52 Tâm Sở 17 Sắc Tâm 20 Sắc Tái Tục	103 Tâm Hữu N. 52 Tâm Sở Ý Vật Tái Tục	103 Tâm Hữu N. 52 Tâm Sở	17 Sắc Tâm Hữu Nhân 20 Sắc Tái Tục	37 Tâm Quả Hữu Nhân 38 Tâm Sở 15 Sắc Tâm 20 Sắc Tái Tục	37 Tâm Quả H. Nhân 38 Tâm Sở Ý Vật Tái Tục	37 Quả H. Nhân 38 Tâm Sở	15 Sắc Tâm H. Nhân 20 Sắc Tái Tục	Ý Vật Tái Tục với Tâm Hữu nhân
Mãnh Lực D.	6	7	8	7	7	8	9	8	9
1. Đồ Đạo	Đ. Đ.	Đ. Đ.	Đ. Đ.	Đ. Đ.	Đ. Đ.	Đ. Đ.	Đ. Đ.	Đ. Đ.	Đ. Đ.
2. Câu Sinh	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.
3. Câu Sinh Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y
4. C S Hiện Hữu	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.
5. C S Bất Ly	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.
6. C S Quyền	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.
7. HỔ Tương		H. T.	H. T.			H. T.	H. T.		H. T.
8. Tương Ưng			T. Ư.				T. Ư.		
9. C S Bất T. Ư.				C. S. B. T. Ư.				C. S. B. T. Ư.	C. S. B. T. Ư.
10. Dị Thực Quả					D. T. Q.	D. T. Q.	D. T. Q.	D. T. Q.	D. T. Q.
	Thiện - Thiện Thiện - Vô Ký Thiện - T & V K B. T. - B. T. B. T. - Vô Ký B. T. - B. T. & V K Vô Ký - Vô Ký	Thiện-Thiện B. T. - B. T. V K - V K	T - T B. T. - B. T. V K - V K	Thiện - Vô Ký B. T. - Vô Ký V K - Vô Ký	V K - V K	V K - V K	V K - V K	V K - V K	V K - V K
Cộng Câu:	7	3	3	3	1	1	1	1	1

25E. ĐỒ ĐẠO TÁU HỢP (Maggapaccayo Sabhāga)	HỮU THIỀN NA TÁU HỢP có 9 Cách								
	VÔ DỊ THỰC 4 Cách				HỮU DỊ THỰC 5 Cách				
	Biến Hành	Hữu Hỗ Tương	Hữu Hỗ T. Hữu T. Ư.	Hữu Bất Tương Ưng	Biến Hành	Hữu Hỗ Tương	Hữu Hỗ T. Hữu T. Ư.	Hữu Bất Tương Ưng	Hữu Hỗ T. H. B. T. Ư.
Năng Duyên	TÂM NHẤT THÓNG	TÂM NHẤT THÓNG	TÂM NHẤT THÓNG	TÂM NHẤT THÓNG	TÂM NHẤT THÓNG	TÂM NHẤT THÓNG	TÂM NHẤT THÓNG	TÂM NHẤT THÓNG	TÂM NHẤT THÓNG
Sở Duyên	103 Tâm Hữu Nhân 52 Tâm Sở 17 Sắc Tâm 20 Sắc Tái Tục	103 Tâm Hữu N. 52 Tâm Sở Ý Vật Tái Tục	103 Tâm Hữu N. 52 Tâm Sở	17 Sắc Tâm Hữu Nhân 20 Sắc Tái Tục	37 Tâm Quả Hữu Nhân 38 Tâm Sở 15 Sắc Tâm 20 Sắc Tái Tục	37 Tâm Quả H. Nhân 38 Tâm Sở Ý Vật Tái Tục	37 Quả H. Nhân 38 Tâm Sở	15 Sắc Tâm Quả Hữu Nhân 20 Sắc Tái Tục	Ý Vật Tái Tục Cối 5 Uẩn với Tâm Hữu nhân
Mãnh Lực D.	6	7	8	7	7	8	9	8	9
1. Đồ Đạo	Đ. Đ.	Đ. Đ.	Đ. Đ.	Đ. Đ.	Đ. Đ.	Đ. Đ.	Đ. Đ.	Đ. Đ.	Đ. Đ.
2. Câu Sinh	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.
3. Câu Sinh Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y
4. C S Hiện Hữu	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.
5. C S Bất Ly	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.
6. Thiền Na	T. N.	T. N.	T. N.	T. N.	T. N.	T. N.	T. N.	T. N.	T. N.
7. Hỗ Tương		H. T.	H. T.			H. T.	H. T.		H. T.
8. Tương Ưng			T. Ư.				T. Ư.		
9. C S B. T. Ư.				C. S. B. T. Ư.				C. S. B. T. Ư.	C. S. B. T. Ư.
10. Dị Thực Quả					D. T. Q.	D. T. Q.	D. T. Q.	D. T. Q.	D. T. Q.
	Thiền - Thiền Thiền - Vô Ký Thiền - T & V K B. T. - B. T. B. T. - Vô Ký B. T. - B. T. & V K Vô Ký - Vô Ký	Thiền-Thiền B. T. - B. T. V K - V K	Thiền-Thiền B. T. - B. T. V K - V K	Thiền - Vô Ký B. T. - Vô Ký V K - Vô Ký	V K - V K	V K - V K	V K - V K	V K - V K	V K - V K
Cộng Câu:	7	3	3	3	1	1	1	1	1

25F. ĐỒ ĐẠO TÁU HỢP (Maggapaccayo Sabhāga)	HỮU QUYỀN - THIỀN TÁU HỢP có 9 Cách								
	VÔ DỊ THỰC 4 Cách				HỮU DỊ THỰC 5 Cách				
	Biến Hành	Hữu Hỗ Tương	Hữu Hỗ T. Hữu T. Ư.	Hữu Bất Tương Ưng	Biến Hành	Hữu Hỗ Tương	Hữu Hỗ T. Hữu T. Ư.	Hữu Bất Tương Ưng	Hữu Hỗ T. H. B. T. Ư.
Năng Duyên	NHẤT THỐNG	NHẤT THỐNG	NHẤT THỐNG	NHẤT THỐNG	NHẤT THỐNG	NHẤT THỐNG	NHẤT THỐNG	NHẤT THỐNG	NHẤT THỐNG
Sở Duyên	102 Tâm Hữu N. Ngoài Si Hoài Nghi 50 Tâm Sở 17 Sắc Tâm 20 Sắc Tái Tục	102 Tâm H. N. Ngoài Si Hoài Nghi 50 Tâm Sở Ý Vật Tái Tục	102 Tâm H. Nhân Ngoài Si Hoài Nghi 50 Tâm Sở (- Hoài Nghi, Nhất Thống)	17 Sắc Tâm Hữu Nhân 20 Sắc Tái Tục	37 Tâm Quả Hữu Nhân 37 Tâm Sở 15 Sắc Tâm 20 Sắc Tái Tục	37 Tâm Quả Hữu Nhân 37 Tâm Sở (- Nhất Thống) Ý Vật Tái Tục	37 Quả Hữu Nhân 37 Tâm Sở (- Nhất Thống)	15 Sắc Tâm Quả Hữu Nhân 20 Sắc Tái Tục	Ý Vật Tái Tục Cối 5 Uẩn với Tâm Quả Hữu Nhân
Mãnh Lực D.	7	8	9	8	8	9	10	9	10
1. Đồ Đạo	Đ. Đ.	Đ. Đ.	Đ. Đ.	Đ. Đ.	Đ. Đ.	Đ. Đ.	Đ. Đ.	Đ. Đ.	Đ. Đ.
2. Câu Sinh	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.
3. Câu Sinh Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y
4. C S Hiện Hữu	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.
5. C S Bất Ly	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.
6. Thiền Na	T. N.	T. N.	T. N.	T. N.	T. N.	T. N.	T. N.	T. N.	T. N.
7. C S Quyền	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.
8. Hỗ Tương		H. T.	H. T.			H. T.	H. T.		H. T.
9. Tương Ưng			T. Ư.				T. Ư.		
10. C S Bất T. Ư.				C. S. B. T. Ư.				C. S. B. T. Ư.	C. S. B. T. Ư.
11. Dị Thực Quả					D. T. Q.	D. T. Q.	D. T. Q.	D. T. Q.	D. T. Q.
	Thiền - Thiền Thiền - Vô Ký Thiền - T & V K B. T. - B. T. B. T. - Vô Ký B. T. - B. T. & V K Vô Ký - Vô Ký	Thiền -Thiền B. T. - B. T. V K - V K	Thiền -Thiền B. T. - B. T. V K - V K	Thiền - Vô Ký B. T. - Vô Ký Vô Ký - Vô Ký	VK-VK	VK-VK	VK-VK	VK-VK	VK-VK
Cộng Câu:	7	3	3	3	1	1	1	1	1

25G. ĐỒ ĐẠO DUYÊN TÁU HỢP (Maggapaccayo Sabhāga)	HỮU TRƯỞNG - QUYỀN TÁU HỢP có 6 Cách					
	VÔ DỊ THỰC 3 Cách			HỮU DỊ THỰC 3 Cách		
	Biến Hành	Hữu Hỗ Tương Hữu Tương Ứng	Hữu Bất Tương Ứng	Biến Hành	Hữu Hỗ Tương Hữu Tương Ứng	Hữu Bất Tương Ứng
Năng Duyên	CẦN, TRÍ	CẦN, TRÍ	CẦN, TRÍ	CẦN, TRÍ	CẦN, TRÍ	CẦN, TRÍ
Sở Duyên	84 Tâm Đồng Lực Hữu Trưởng 50 Tâm Sở 17 Sắc Tâm	84 Tâm Đồng Lực Hữu Trưởng 50 Tâm Sở	17 Sắc Tâm	20 Quả Siêu Thế 35 Tâm Sở 15 Sắc Tâm	20 Quả Siêu Thế 35 Tâm Sở	15 Sắc Tâm
Mãnh Lực Duyên	7	9	8	8	10	9
1. Đồ Đạo Duyên	Đ. Đ.	Đ. Đ.	Đ. Đ.	Đ. Đ.	Đ. Đ.	Đ. Đ.
2. Câu Sinh	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.
3. Câu Sinh y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y
4. Câu Sinh Hiện Hữu	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.
5. Câu Sinh Bất Ly	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.
6. Câu Sinh Quyền	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.
7. Câu Sinh Trưởng	C. S. T.	C. S. T.	C. S. T.	C. S. T.	C. S. T.	C. S. T.
8. Hỗ Tương		H. T.			H. T.	
9. Tương Ứng		T. Ư.			T. Ư.	
10. Câu Sinh Bất T. Ứng			C. S. B. T. Ư.			C. S. B. T. Ư.
11. Dị Thực Quả				D. T. Q.	D. T. Q.	D. T. Q.
	Thiện - Thiện Thiện - Vô Ký Thiện - Thiện & Vô Ký Bất Thiện - Bất Thiện Bất Thiện - Vô Ký Bất Thiện - B T & V K Vô Ký - Vô Ký	Thiện - Thiện B. T. - B. T. Vô Ký - Vô Ký	Thiện - Vô Ký Bất Thiện - Vô Ký Vô Ký - Vô Ký	Vô Ký - Vô Ký	Vô Ký - Vô Ký	Vô Ký - Vô Ký
Cộng Câu:	7	3	3	1	1	1

25H. ĐỒ ĐẠO TÁU HỢP (Maggapaccayo Sabhāga)	HỮU NHÂN - QUYỀN				TÁU HỢP có 9 Cách				
	VÔ DỊ THỰC 4 Cách				HỮU DỊ THỰC 5 Cách				
	Biến Hành	Hữu Hỗ Tương	Hữu Hỗ T. Hữu T. Ư.	Hữu Bất Tương Ứng	Biến Hành	Hữu Hỗ Tương	Hữu Hỗ T. Hữu T. Ư.	Hữu Bất Tương Ứng	Hữu Hỗ T. H. B. T. Ư.
Năng Duyên	TRÍ	TRÍ	TRÍ	TRÍ	TRÍ	TRÍ	TRÍ	TRÍ	TRÍ
Sở Duyên	79 Tâm Tam Nhân 37 Tâm Sở (- Trí) 17 Sắc Tâm 20 Sắc Tái Tục	79 Tâm Tam Nhân 37 Tâm Sở Ý Vật Tái Tục	79 Tâm Tam Nhân 37 Tâm Sở (- Trí)	17 Sắc Tâm 20 Sắc Tái Tục	33 Tâm Quả Tam Nhân 37 Tâm Sở 15 Sắc Tâm 20 Sắc Tái Tục	33 Tâm Quả Tam Nhân 37 Tâm Sở Ý Vật Tái Tục	33 Quả Tam Nhân 37 Tâm Sở	15 Sắc Tâm 20 Sắc Tái Tục	Ý Vật Tái Tục với Tâm Tam nhân
Mãnh Lực D.	7	8	9	8	8	9	10	9	10
1. Đồ Đạo	Đ. Đ.	Đ. Đ.	Đ. Đ.	Đ. Đ.	Đ. Đ.	Đ. Đ.	Đ. Đ.	Đ. Đ.	Đ. Đ.
2. Câu Sinh	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.
3. Câu Sinh Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y
4. C S Hiện Hữu	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.
5. C S Bất Ly	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.
6. C S Quyền	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.
7. Nhân Duyên	N. D.	N. D.	N. D.	N. D.	N. D.	N. D.	N. D.	N. D.	N. D.
8. Hỗ Tương		H. T.	H. T.			H. T.	H. T.		H. T.
9. Tương Ứng			T. Ư.				T. Ư.		
10. C S B. T. Ư.				C. S. B. T. Ư.				C. S. B. T. Ư.	C. S. B. T. Ư.
11. Dị Thực Quả					D. T. Q.	D. T. Q.	D. T. Q.	D. T. Q.	D. T. Q.
	Thiện - Thiện Thiện - Vô Ký T - T & Vô Ký Vô Ký - Vô Ký	Thiện - Thiện V K - V K	Thiện - Thiện V K - V K	Thiện - Vô Ký Vô Ký - Vô Ký	Vô Ký-Vô Ký	Vô Ký-Vô Ký	Vô Ký-Vô Ký	Vô Ký-Vô Ký	Vô Ký-Vô Ký
Cộng Câu:	4	2	2	2	1	1	1	1	1

25K. ĐỒ ĐẠO DUYÊN TÁU HỢP (Maggapaccayo Sabhāga)	HỮU NHÂN - TRƯỞNG - QUYỀN TÁU HỢP có 6 Cách					
	VÔ DỊ THỰC 3 Cách			HỮU DỊ THỰC 3 Cách		
	Biến Hành	Hữu Hỗ Tương Hữu Tương Ứng	Hữu Bất Tương Ứng	Biến Hành	Hữu Hỗ Tương Hữu Tương Ứng	Hữu Bất Tương Ứng
Năng Duyên	TRÍ	TRÍ	TRÍ	TRÍ	TRÍ	TRÍ
Sở Duyên	66 Tâm Tam Nhân 37 Tâm Sở 17 Sắc Tâm	66 Tâm Tam Nhân 37 Tâm Sở	17 Sắc Tâm	20 Quả Siêu Thế 35 Tâm Sở 15 Sắc Tâm	20 Quả Siêu Thế 35 Tâm Sở	15 Sắc Tâm
Mãnh Lực Duyên	8	10	9	9	11	10
1. Đồ Đạo Duyên	Đ. Đ.	Đ. Đ.	Đ. Đ.	Đ. Đ.	Đ. Đ.	Đ. Đ.
2. Câu Sinh	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.
3. Câu Sinh y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y
4. Câu Sinh Hiện Hữu	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.
5. Câu Sinh Bất Ly	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.
6. Câu Sinh Quyền	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.
7. Câu Sinh Trưởng	C. S. T.	C. S. T.	C. S. T.	C. S. T.	C. S. T.	C. S. T.
8. Nhân Duyên	N. D.	N. D.	N. D.	N. D.	N. D.	N. D.
9. Hỗ Tương		H. T.			H. T.	
10. Tương Ứng		T. Ư.			T. Ư.	
11. Câu Sinh Bất T. Ứng			C. S. B. T. Ư.			C. S. B. T. Ư.
12. Dị Thực Quả				D. T. Q.	D. T. Q.	D. T. Q.
	Thiện - Thiện Thiện - Vô Ký Thiện - Thiện & Vô Ký Vô Ký - Vô Ký	Thiện - Thiện Vô Ký - Vô Ký	Thiện - Thiện Vô Ký - Vô Ký	Vô Ký - Vô Ký	Vô Ký - Vô Ký	Vô Ký - Vô Ký
Cộng Câu:	4	2	2	1	1	1